

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐA DẠNG
HÓA THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TẠI XÃ LÂM HẢI
HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

DIỆP NGỌC DUYÊN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐỂ NHẬN BẰNG CỬ NHÂN
NGÀNH KINH TẾ
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Thành phố Hồ Chí Minh

Tháng 06/2024

Hội đồng chấm báo cáo khóa luận tốt nghiệp đại học Khoa Kinh tế, trường Đại Học Nông Lâm Thành Phố Hồ Chí Minh xác nhận khóa luận “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau” do Diệp Ngọc Duyên, sinh viên khóa 46, ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế Nông Nghiệp, đã bảo vệ thành công trước hội đồng vào ngày tháng năm 2024.

Người hướng dẫn

Ngày tháng năm 2024

Chủ tịch hội đồng chấm báo cáo

Thư ký hội đồng chấm báo cáo

Ngày tháng năm 2024

Ngày tháng năm 2024

LỜI CẢM TẠ

Lời nói đầu tiên tôi xin gửi lời cảm ơn đến Trường Đại học Nông Lâm TPHCM, nơi đã giúp tôi học tập và nghiên cứu trong suốt thời gian qua. Đồng thời, tôi xin cảm ơn tất cả các quý thầy cô đã giúp tôi trau dồi, truyền đạt cho tôi những kiến thức mới, giúp cho tôi có những trải nghiệm tuyệt vời trong quá trình học tập tại trường.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến thầy Trần Hoài Nam, người đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong trong đề tài này. Thầy không chỉ đồng hành, chia sẻ cho tôi những kinh nghiệm quý báu, mà còn giúp tôi hiểu rõ, phân biệt giữa lý thuyết và thực tế. Với sự tận tình hướng dẫn của thầy, tôi đã có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Bên cạnh đó, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến UBND xã Lâm Hải, huyện Năm Căn và những người dân nơi đây đã tạo điều kiện cho tôi để tôi có thể thu thập được những số liệu cụ thể và hoàn thành đề tài.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn gia đình và bạn bè đã sát cánh cùng tôi, ủng hộ tôi, hết mình tạo mọi điều kiện thuận lợi trong thời gian tôi hoàn thành đề tài này.

Tôi xin chân thành cảm ơn tất cả mọi người!

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2024

Sinh viên thực hiện

Diệp Ngọc Duyên

NỘI DUNG TÓM TẮT

DIỆP NGỌC DUYÊN. Tháng 06 năm 2024. “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau”.

DIEP NGOC DUYEN. June 2024. “Analyzing factors affecting household income diversification in Lam Hai Commune, Nam Can District, Ca Mau Province”.

Khóa luận phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp chọn ngẫu nhiên và phỏng vấn trực tiếp 75 nông hộ, kết hợp sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, chỉ số DDH (Herfindahl nghịch đảo) và hồi quy Binary logistic. Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ số đa dạng hóa thu nhập ở khu vực này khá thấp khi chỉ chiếm 1,68. Số hộ có một hoạt động tạo ra thu nhập với chỉ số DDH bằng 1, hai hoạt động có chỉ số DDH là 1,72 và từ ba đến bốn hoạt động có DDH lên đến 2,73. Các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập là giới tính chủ hộ, trình độ học vấn, thời gian định cư, số thành viên trong hộ, thành viên di cư, tín dụng và ảnh hưởng dịch bệnh tôm/cua. Để nâng cao thu nhập và khả năng DDHTN của nông hộ, tác giả đã đề ra một số giải pháp như: khuyến khích các hoạt động kinh doanh, khởi nghiệp; áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất; nâng cao trình độ đối với lao động di cư; thực hiện các chính sách hỗ trợ về nhà ở, y tế, an sinh xã hội cho lao động di cư; hỗ trợ tín dụng cho nông hộ và tăng cường kiểm soát dịch bệnh trên tôm/cua.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	vii
DANH MỤC CÁC BẢNG	viii
DANH MỤC CÁC HÌNH	ix
DANH MỤC PHỤ LỤC	x
CHƯƠNG 1	1
MỞ ĐẦU	1
1.1. Đặt vấn đề	1
1.2. Mục tiêu nghiên cứu	2
1.2.1. Mục tiêu chung	2
1.2.2. Mục tiêu cụ thể	2
1.3.1. Phạm vi không gian	2
1.3.2. Phạm vi thời gian	2
1.4. Đối tượng nghiên cứu	2
1.5. Cấu trúc của khóa luận	3
CHƯƠNG 2	4
TỔNG QUAN	4
2.1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu	4
2.2. Đặc điểm tổng quát của địa bàn nghiên cứu	15
2.2.1. Vị trí địa lý	15
2.2.3. Điều kiện kinh tế xã hội	16
2.3. Thực trạng của vấn đề nghiên cứu	17
CHƯƠNG 3	19
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	19
3.1. Cơ sở lý luận	19
3.1.1. Một số khái niệm	19

3.1.2. Một số chỉ tiêu tính toán	20
3.1.3. Cơ sở lý thuyết trong xây dựng mô hình	21
3.2. Phương pháp nghiên cứu	25
3.2.1. Phương pháp thu thập số liệu	25
3.2.2. Công cụ xử lý và phân tích số liệu	26
3.2.3. Phương pháp phân tích	27
CHƯƠNG 4	31
KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN	31
4.1. Mô tả thực trạng thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	31
4.1.1. Đặc điểm của nông hộ	31
4.1.2. Thực trạng thu nhập của nông hộ	33
4.2. Đánh giá mức độ đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	35
4.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	37
4.4. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	43
CHƯƠNG 5	45
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	45
5.1. Kết luận	45
5.2. Kiến nghị	46
5.2.1. Đối với nông hộ	46
5.2.2. Đối với chính quyền địa phương	47
TÀI LIỆU THAM KHẢO	49
PHỤ LỤC	li

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBVC	Cán bộ viên chức
DDH	Đa dạng hóa
DDHTN	Đa dạng hóa thu nhập
ĐBSCL	Đồng bằng Sông Cửu Long
Ha	Hec-ta
HHI	Herfindahl-Hirschman
HID	Chỉ số đa dạng thu nhập hộ gia đình
IR	Vùng nông nghiệp nơi xu hướng không rõ ràng
Kg	Kilogam
Km	Kilomet
LCAL	Làm công ăn lương
LR	Vùng nông nghiệp tương đối trì trệ
NTTS	Nuôi trồng thủy sản
PNN	Phi nông nghiệp
WR	Vùng nông nghiệp tương đối năng động

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng 2. 1. Tóm Tắt Vấn Đề	9
Bảng 3. 1. Kỳ Vọng Dấu của Mô Hình	29
Bảng 4. 1. Giới Tính của Chủ Hộ	31
Bảng 4. 2. Thông Tin Tổng Quát về Chủ Hộ trong Năm 2023	32
Bảng 4. 3. Đặc Điểm Chung về Nguồn Lực Nông Hộ trong Năm 2023	33
Bảng 4. 4. Các Nguồn Thu Nhập của Nông Hộ trong Năm 2023	35
Bảng 4. 5. Mức Độ Đa Dạng Hóa Thu Nhập và Nguồn Lực của Nông Hộ trong Năm 2023	36
Bảng 4. 6. Kết Quả Phân Tích Logit về Các Nhân Tố Ảnh Hưởng Đến Khả Năng Đa Dạng Hóa Thu Nhập của Nông Hộ	38
Bảng 4. 7. Xác Định Mức Độ Giải Thích của Mô Hình	39
Bảng 4. 8. Kiểm Tra Tính Phù Hợp của Mô Hình	39
Bảng 4. 9. Tác Động Biên về Các Nhân Tố Ảnh Hưởng Đến Khả Năng Đa Dạng Hóa Thu Nhập của Nông Hộ	40

DANH MỤC CÁC HÌNH

	Trang
Hình 2. 1. Vị trí địa lý xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	15
Hình 3. 1. Mô Hình Nghiên Cứu Đề Xuất	25

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Bảng câu hỏi khảo sát	li
Phụ lục 2. Danh sách các hộ được khảo sát	liv
Phụ lục 3. Kết xuất thống kê mô tả, mô hình Binary Logistic và kiểm định	lvi

CHƯƠNG 1

MỞ ĐẦU

1.1. Đặt vấn đề

ĐBSCL (Đồng bằng Sông Cửu Long) là vùng cực nam của Việt Nam có tổng diện tích 40.577,6 km² và có tổng dân số là 17.744.947 người. Khu vực này có một thành phố trực thuộc trung ương là Cần Thơ và 12 tỉnh thành khác. Đây là vùng kinh tế nông nghiệp quan trọng, đóng góp trên 33% GDP nông nghiệp cả nước và 30% GDP của vùng. ĐBSCL đứng đầu cả nước về sản lượng lúa gạo, thủy sản và trái cây. Vùng này đóng góp 56% sản lượng lúa gạo (24,5 triệu tấn), 98% sản lượng cá tra (1,41 triệu tấn) và 60% các loại trái cây cả nước (4,3 triệu tấn), 95% lượng gạo xuất khẩu và 60% lượng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam (Viện Khoa Học Kỹ Thuật Nông Nghiệp Miền Nam).

Cà Mau là một trong các tỉnh dẫn đầu về nuôi trồng thủy sản thuộc ĐBSCL với 9 đơn vị hành chính cấp huyện và 101 đơn vị hành chính cấp xã được thiên nhiên ưu đãi rừng vàng biển bạc. Không chỉ đồng sở hữu rừng ngập mặn lớn thứ hai thế giới mà còn có lượng thủy sản dồi dào nhờ vị trí địa lý giáp biển và diện tích nuôi thủy sản rộng rãi. Kinh tế thủy sản đã thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nền kinh tế Cà Mau, chiếm hơn 60% tổng thu nhập với tổng diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 303.320 ha, trong đó: diện tích nuôi tôm năm 2023 là 278.365 ha, cá nước ngọt 24.927 ha, nuôi nghêu 28 ha. Năng suất nuôi thủy sản ước đạt 1.322 kg/ha/năm (tăng 64 kg/ha/năm so với năm 2022), năng suất nuôi tôm bình quân ước đạt 837 kg/ha/năm (tăng 53 kg/ha/năm so với năm 2022) (Sở Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn, 2023).

Mặc dù diện tích và năng suất nuôi trồng hiện nay tại Cà Mau vẫn đang có xu hướng tăng do nhu cầu tiêu thụ thủy sản trong và ngoài nước ngày càng cao. Nhưng về kết cấu hạ tầng, nhất là thủy lợi phục vụ cho nuôi tôm vẫn còn hạn chế như việc thiếu hụt nguồn nước ở nội đồng vào những tháng nắng hạn kéo dài. Ngoài ra, ngành tôm còn gặp nhiều khó khăn như phải đối mặt với dịch bệnh, cạnh tranh khốc liệt của thị trường,

giá vật tư đầu vào tăng,... ảnh hưởng đến thu nhập và lợi nhuận của nông hộ. Điều đó cho thấy, thu nhập của các hộ dân ở Cà Mau nói chung và tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn nói riêng đã không còn chỉ dựa vào nguồn tài nguyên tự nhiên có sẵn. Quá trình phát triển đô thị, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, hoạt động phát triển kinh tế ở tốc độ cao... cùng với nhu cầu thỏa mãn về mọi mặt của hộ gia đình ngày càng tăng. Các hộ gia đình đã và đang cần phải làm gì để gia tăng thu nhập nhằm đảm bảo nhu cầu trong cuộc sống là vấn đề cần được quan tâm. Đó là lý do đề tài “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau” được thực hiện.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1. Mục tiêu chung

Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến DDHTN (đa dạng hóa thu nhập) của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Mô tả thực trạng thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Đánh giá mức độ đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

1.3. Phạm vi nghiên cứu

1.3.1. Phạm vi không gian

Thu thập thông tin và số liệu tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

1.3.2. Phạm vi thời gian

Thời gian thực hiện khóa luận từ 03/2024 cho đến khi kết thúc báo cáo khóa luận.

1.4. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu sự DDHTN và các yếu tố ảnh hưởng đến DDHTN của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

1.5. Cấu trúc của khóa luận

Nội dung nghiên cứu được trình bày thành 5 chương, nội dung các chương được trình bày tổng quát như sau:

Chương 1. Mở đầu

Đặt vấn đề nghiên cứu.

Mục tiêu nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến DDHTN của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Phạm vi nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến DDHTN của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Đối tượng nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến DDHTN của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Chương 2. Tổng quan

Tổng quan tài liệu nghiên cứu có liên quan và tổng quan về địa bàn nghiên cứu, về tình hình sản xuất nông nghiệp tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Chương 3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Trình bày một số khái niệm của đề tài cần làm rõ và các phương pháp nghiên cứu trong bài.

Chương 4. Kết quả và thảo luận

Tiến hành tổng hợp và xử lý số liệu đã thu thập được, thực hiện tính toán và lập bảng biểu cần thiết từ mẫu điều tra để so sánh thu nhập của nông hộ có DDHTN và không DDHTN tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Chương 5. Kết luận và kiến nghị

Rút ra kết luận từ kết quả thu được trong quá trình nghiên cứu. Từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ trong quản trình sản xuất.

CHƯƠNG 2

TỔNG QUAN

2.1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Stefan Schwarze và Manfred Zeller (2005) đã thực hiện nghiên cứu về đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình nông thôn ở trung tâm Sulawesi, Indonesia. Nghiên cứu đã thu thập dữ liệu thông qua bảng câu hỏi chính thức từ 293 hộ gia đình được chọn ngẫu nhiên sống ở 12 ngôi làng gần vườn quốc gia Lore Lindu. Tác giả đã sử dụng chỉ số cân bằng Shannon và mô hình Tobit để đo lường sự đa dạng tổng thể về thu nhập và đánh giá các yếu tố quyết định DDHTN. Kết quả cho thấy ở chỉ số Shannon, khả năng tiếp cận vốn xã hội và tình trạng mất mùa đều có tác động tích cực đến chỉ số, còn tình trạng kinh tế xã hội và khoảng cách đến đường giao thông lại có ảnh hưởng tiêu cực đến sự đa dạng tổng thể về thu nhập. Bên cạnh đó, kết quả từ mô hình Tobit lại cho thấy tình trạng kinh tế xã hội và khả năng tiếp cận thị trường tài chính chính thức có tác động tích cực đến quyết định DDHTN. Tác giả cũng chỉ ra rằng các hoạt động PNN (phi nông nghiệp) tiềm năng phải được đánh giá xem có phù hợp với tài sản của các hộ gia đình hay không, đặc biệt là những hộ có thu nhập thấp.

Trần Tiến Khai và Nguyễn Ngọc Danh (2014) đã thực hiện nghiên cứu về những yếu tố quyết định đa dạng hóa thu nhập và ảnh hưởng đối với thu nhập hộ gia đình nông thôn Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu của 6.581 hộ nông dân từ cuộc khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam do Tổng cục Thống kê thực hiện. Tác giả đã sử dụng chỉ số HHI (chỉ số Herfindahl-Hirschman), áp dụng mô hình Tobit hai giới hạn để xem xét ảnh hưởng của những đặc điểm hộ gia đình và cộng đồng đối với chỉ số HHI; và phương pháp hồi quy GMM để kiểm định ảnh hưởng của HHI đối với thu nhập của hộ. Kết quả cho thấy năm biến đại diện cho vốn con người tác động dương đến DDHTN là số năm đi học trung bình, số lao động PNN, số thành viên làm việc tại nông trại nhà, số lần điều trị y tế trong năm, và tổng chi phí điều trị trong năm. Điều đó cho thấy DDHTN

các hộ sẽ cao hơn khi trình độ học vấn và số lượng lao động tăng lên. Bên cạnh đó, vận dụng vốn tài chính và vốn xã hội tốt cũng giúp hộ cải thiện sự đa dạng thu nhập của nông hộ.

Khúc Văn Quý và cộng sự (2016) đã thực hiện nghiên cứu về phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới sự đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình tại vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Hạ, Cà Mau. Nghiên cứu đã thu thập thông tin từ 80 hộ gia đình tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và sử dụng mô hình hồi quy dạng log - log, dạng tuyến tính để xác định mối liên hệ giữa: (1) Thu nhập nông hộ và chỉ số HID (chỉ số đa dạng thu nhập hộ gia đình – là nghịch đảo chỉ số đa dạng Simpson), (2) giữa chỉ số HID với các yếu tố liên quan khác. Kết quả cho thấy nguồn thu nhập khá đa dạng, giá trị trung bình của chỉ số HID là 1,97, giá trị nhỏ nhất là 1 và lớn nhất là 3,61. Như thế, phần lớn hộ gia đình có ít nhất một đến ba nguồn thu nhập, phần còn lại là các hộ có từ ba nguồn thu nhập trở lên. Nghiên cứu cũng cho thấy rằng chỉ số HID càng lớn thì thu nhập hộ gia đình càng cao. Có 3 yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chỉ số HID là thời gian định cư, quy mô hộ và quy mô đất nông lâm nghiệp cho sản xuất.

Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức (2016) đã thực hiện nghiên cứu về những nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Nghiên cứu đã thu thập số liệu của 2.287 hộ gia đình vùng ĐBSCL có tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp, số lượng nông hộ DDHTN tức là có thêm nguồn thu nhập PNN là 524 hộ chiếm tỷ lệ 23,7% trên tổng số nông hộ khảo sát. Bằng mô hình hồi quy Binary Logistic, nghiên cứu xem xét các nhân tố về đặc điểm của chủ hộ, đặc điểm và nguồn lực của nó lên DDHTN. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến DDHTN của nông hộ là đào tạo nghề, số người phụ thuộc trong nông hộ, số lượng thành viên của nông hộ, trình độ học vấn trung bình của các thành viên trong nông hộ, trình độ học vấn của chủ hộ và số người tham gia vào hoạt động sản xuất PNN trong gia đình. Trong số các nhân tố đó, tác giả đã chú ý đến trình độ học vấn và đề ra một số giải pháp là miễn giảm học phí đối với các hộ nghèo, hộ có thu nhập thấp và đầu tư phát triển đào tạo nghề.

Nguyễn Văn Dũng (2017) đã thực hiện nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và khả năng đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp chọn ngẫu

nhiên và phỏng vấn trực tiếp 119 hộ tại huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả, mô hình Logit và mô hình hồi quy tuyến tính. Kết quả cho thấy mức độ DDHTN của nông hộ còn thấp khi chỉ số SID bình quân chỉ đạt 0,323. Kết quả mô hình hồi quy Binary logistic cho thấy các yếu tố diện tích đất canh tác, tỷ lệ lao động và số thành viên của hộ có tác động đến khả năng DDHTN của nông hộ. Từ đó, đề tài đã đề ra một số giải pháp chủ yếu gồm: các thành viên của hộ cần tham gia vào các làng nghề để giúp DDHTN, cần tích tụ ruộng đất cũng như tăng nguồn thu từ thu nhập PNN cũng như từ nguồn chăn nuôi, trồng trọt và đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi về việc làm, tăng hiệu quả sản xuất làm tăng nguồn thu nhập của nông hộ.

Nguyễn Thanh Tuấn (2017) đã thực hiện nghiên cứu về đa dạng hóa thu nhập hộ gia đình nông thôn ở Đồng bằng Sông Cửu Long và phân tích trường hợp tỉnh Kiên Giang. Nghiên cứu đã sử dụng 1.440 quan sát bao gồm 13 tỉnh thành, trong đó tỉnh Kiên Giang chiếm 117 hộ được trích xuất từ Bộ dữ liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam. Tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả để chỉ ra các đặc trưng đa dạng hoá thu nhập của hộ gia đình, sau đó sử dụng chỉ số Herfindahl nghịch đảo và mô hình phân tích hồi quy tobit để đo lường mức đa dạng hoá thu nhập của hộ. Kết quả cho thấy bảy biến có ý nghĩa trong tổng số chín biến tương quan dương với DDHTN như tuổi chủ hộ, số lao động nông nghiệp, số lao động PNN, số lao động làm công ăn lương, chủ hộ là cán bộ viên chức, tham gia tổ chức công tác xã hội, logarit diện tích đất canh tác; và hai biến có ý nghĩa trong tổng số sáu biến tương quan âm với DDHTN như học vấn chủ hộ, logarit giá trị nhà. Điều đó thể hiện các biến tương quan dương có tác động tích cực đến thu nhập hộ gia đình nông thôn. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất một số giải pháp về mặt chính sách nhằm giúp tăng thu nhập cho hộ gia đình nông thôn như: khuyến khích người dân học nghề, giảm học phí, ban hành chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, định hướng cho cộng đồng dân cư ở nông thôn tổ chức liên kết sản xuất trong nông nghiệp,...

Sarah Aloba và Celine Bignebat (2017) đã thực hiện nghiên cứu về mô hình và yếu tố quyết định đa dạng hóa thu nhập hộ gia đình ở vùng nông thôn Senegal và Kenya. Nghiên cứu đã chọn ngẫu nhiên 1.747 hộ gia đình nông thôn từ danh sách điều tra dân số để đảm bảo tính đại diện ở cấp địa phương. Tác giả đã phân chia khu vực ở hai quốc

gia thành ba loại vùng là WR (vùng nông nghiệp tương đối năng động), LR (vùng nông nghiệp tương đối trì trệ) và IR (vùng nông nghiệp nơi xu hướng không rõ ràng). Để đo lường sự DDHTN và tìm hiểu các yếu tố quyết định sự DDHTN của hộ gia đình, đề tài đã sử dụng chỉ số IHI (Herfindahl nghịch đảo) – được đo lường bằng tỷ trọng thu nhập PNN và mô hình hồi quy Tobit. Kết quả cho thấy ở Kenya, WR có thu nhập PNN cao hơn nhiều so với hộ gia đình ở IR nhưng không có sự khác biệt đáng kể về tỷ lệ giữa các hộ vùng WR và LR. Nghiên cứu chỉ ra rằng các hộ dân ở vùng LR có tổng thu nhập thấp hơn đáng kể so với WR, điều đó cho thấy khu vực này có điều kiện nông nghiệp kém do lũ lụt, xói mòn, cơ sở hạ tầng nghèo nàn,... dẫn đến sự DDHTN tăng. Đối với Senegal, các hộ gia đình ở LR có tỷ lệ thu nhập PNN thấp hơn nhiều so với WR và IR nhưng lại không có sự khác biệt đáng kể giữa WR và IR, cho thấy DDH ở IR chủ yếu là phương tiện sinh tồn. Thông qua mô hình Tobit, các yếu tố quan trọng quyết định sự DDHTN bao gồm khả năng tiếp cận các thị trấn nông thôn, tài sản hộ gia đình, các yếu tố nhân khẩu học, cơ hội di cư cũng như nhận thức về an ninh lương thực. Ở cấp độ khu vực, khả năng tiếp cận các thị trấn nông thôn là rất quan trọng đối với WR của hai quốc gia. Trong khi đó, các tài sản như chăn nuôi có ý nghĩa quan trọng ở một số khu vực nhất định như IR của Senegal, WR và IR của Kenya. Di cư là một chiến lược DDH quan trọng trên tất cả các vùng của Senegal, trong khi tín dụng và mạng xã hội chủ yếu quan trọng ở IR của Senegal. Nhận thức về an ninh lương thực là những yếu tố quyết định quan trọng ở một số khu vực nhất định như WR của Kenya và IR của Senegal.

Phạm Tiến Thành và Phạm Bảo Dương (2020) đã thực hiện nghiên cứu về đa dạng hóa thu nhập và việc áp dụng giống lúa cải tiến trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu 2.093 hộ từ điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình nông thôn Việt Nam (VARHS) năm 2012 và 2014 để phân tích cùng với mô hình logit, phương pháp ước lượng RE (mô hình tác động ngẫu nhiên). Kết quả cho thấy thu nhập bình quân năm 2014 là 77,4 triệu đồng/năm đã tăng cao hơn so với năm 2012 là 59,89 triệu đồng/năm. Thu nhập từ nông nghiệp mặc dù tăng lên nhưng tỷ trọng lại giảm từ 35,24% xuống còn 31,48%; các hộ có nguồn thu nhập từ hoạt động PNN như làm công ăn lương, chuyển nhượng cá nhân, hỗ trợ từ chính phủ đều có thu nhập trung bình và tỷ trọng ngày càng tăng; nguồn tự sản xuất kinh doanh và một số nguồn khác có tỷ trọng đang dần giảm. Trong cơ cấu thu nhập hiện tại của nông hộ, thu từ nông nghiệp hiện chỉ

chiếm khoảng 1/3. Kết quả ước lượng cũng cho thấy mối quan hệ PNN từ làm công ăn lương, tự sản xuất kinh doanh PNN, chuyển nhượng từ cá nhân có tác động thúc đẩy đối với quyết định giống lúa cải tiến; trong khi khoản thu của hỗ trợ từ chính phủ lại làm giảm quyết định sử dụng giống lúa cải tiến của nông hộ.

Lê Trúc Linh (2022) đã thực hiện nghiên cứu về đa dạng thu nhập và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tại Trà Vinh. Tác giả đã sử dụng 70 mẫu tại huyện Châu Thành và Càng Long thông qua bảng câu hỏi và tiến hành phân tích thống kê mô tả, chỉ số đa dạng Simpson và phương pháp hồi quy tuyến tính logarit. Kết quả phân tích cho thấy chỉ số đa dạng thu nhập thấp ($SID = 0,33$) và có khoảng cách thu nhập lớn giữa các hộ dân, cụ thể là mức thu nhập thấp nhất là 8,6 triệu đồng/hộ/năm và cao nhất lên đến 350 triệu đồng/hộ/năm. Các biến học vấn, kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của chủ hộ, diện tích đất sản xuất và yếu tố tham gia các tổ chức đoàn thể tại địa phương có mối tương quan thuận và có ý nghĩa. Đây là những yếu tố chính sẽ góp phần gia tăng thu nhập tại địa bàn nghiên cứu. Từ đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân như tạo tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, doanh nghiệp mở các cơ sở sản xuất, kinh doanh; xác định cây trồng, vật nuôi thế mạnh để khuyến khích người dân mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; nông hộ cần chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, áp dụng kỹ thuật sản xuất tiên tiến để có thể nâng cao thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích...

Huỳnh Trường Huy và cộng sự (2022) đã thực hiện nghiên cứu về di cư lao động có đóng góp đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình? Trường hợp của Đồng bằng Sông Cửu Long. Tác giả đã trích lọc từ dữ liệu Điều tra mức sống dân cư Việt Nam nhằm phân tích DDHTN gắn với thực trạng di cư của 1.905 hộ gia đình tại ĐBSCL. Nghiên cứu đã sử dụng chỉ số HHI_i (chỉ số Herfindahl-Hirschman) để tính toán DDHTN hộ gia đình, kỹ thuật ước lượng dạng Tobit để ước lượng sự tương quan của DDHTN và yếu tố di cư cũng như các yếu tố khác. Kết quả cho thấy mức độ DDHTN của nhóm hộ có thành viên di cư cao hơn so với nhóm hộ không có thành viên di cư (0,720 so với 0,685 về HHI_i), nhưng tổng thu nhập của hộ không có thành viên di cư lại cao hơn hộ còn lại. Điều đó cho thấy những hộ có thành viên quyết định di cư xuất phát từ điều kiện kinh tế khó khăn bởi thu nhập của họ vẫn chủ yếu là từ nông nghiệp (chiếm 42,6%). Từ đó cho thấy hộ có thành viên quyết định di cư được xem là một chiến lược DDHTN và giúp

cải thiện thu nhập hộ gia đình, đóng góp đến 14% trong tổng thu nhập hộ. Đáng quan tâm là tác giả nhận thấy khoản thu nhập này chủ yếu được sử dụng cho đời sống thay vì đầu tư sản xuất.

Từ quá trình tổng hợp sơ bộ những nghiên cứu trên, các tác giả đã sử dụng chỉ số Shannon, chỉ số Herfindahl-Hirschman, chỉ số Herfindahl nghịch đảo, chỉ số Simpson, chỉ số HID cùng với một số phương pháp như pháp thống kê mô tả, mô hình Tobit, hồi quy GMM, hồi quy Binary Logistic, hồi quy dạng Log – log và dạng tuyến tính nhằm đánh giá mức độ DDHTN và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến DDHTN của nông hộ. Qua quá trình tham khảo và đúc kết, đề tài quyết định sử dụng chỉ số Herfindahl nghịch đảo để đánh giá mức độ DDHTN và phương pháp hồi quy Binary Logistic để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến DDHTN của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bảng 2. 1. Tóm Tắt Vấn Đề

Tên tài liệu	Tác giả	Năm xuất bản	Phương pháp nghiên cứu	Kết quả
Đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình nông thôn ở trung tâm Sulawesi, Indonesia	Stefan Schwarze và Manfred Zeller	2005	- Chỉ số cân bằng Shannon. - Mô hình hồi quy Tobit	Kết quả cho thấy ở chỉ số Shannon, khả năng tiếp cận vốn xã hội và tình trạng mất mùa đều có tác động tích cực đến chỉ số; còn tình trạng kinh tế xã hội và khoảng cách đến đường giao thông lại có ảnh hưởng tiêu cực. Kết quả từ mô hình Tobit lại cho thấy tình trạng kinh tế xã hội và khả năng tiếp cận thị trường tài chính chính thức có tác động tích cực đến quyết định DDHTN.
Những yếu tố quyết định đa	Trần Tiên	2014	- Chỉ số HHI (chỉ số	Kết quả cho thấy năm biến đại diện cho vốn con người tác động

dạng hóa thu nhập và ảnh hưởng đối với thu nhập hộ gia đình nông thôn Việt Nam	Khai và Nguyễn Ngọc Danh		Herfindahl-Hirschman). - Mô hình hồi quy Tobit. - Phương pháp hồi quy GMM.	tích cực đến DDHTN. Điều đó cho thấy DDHTN các hộ sẽ cao hơn khi trình độ học vấn và số lượng lao động tăng lên. Bên cạnh đó, vận dụng vốn tài chính và vốn xã hội tốt cũng giúp hộ cải thiện sự đa dạng thu nhập của nông hộ.
Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới sự đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình tại vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Hạ, Cà Mau	Khúc Văn Quý và cộng sự	2016	- Lý thuyết kinh tế. - Chỉ số HID (chỉ số đa dạng thu nhập hộ gia đình – là nghịch đảo chỉ số đa dạng Simpson). - Mô hình hồi quy dạng Log – log và dạng tuyến tính.	- Nguồn thu nhập khá đa dạng, giá trị trung bình của chỉ số HID là 1,97, giá trị nhỏ nhất là 1 và lớn nhất là 3,61. Như thế, phần lớn hộ gia đình có ít nhất 1 đến 3 nguồn thu nhập, phần còn lại là các hộ có từ 3 nguồn thu nhập trở lên. - Chỉ số HID càng lớn thì thu nhập hộ gia đình càng cao. - Có 3 yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chỉ số HID là thời gian định cư, quy mô hộ và quy mô đất nông lâm nghiệp cho sản xuất.
Những nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở	Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn	2016	Mô hình hồi quy Binary Logistic.	Các nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ là đào tạo nghề, số người phụ thuộc trong nông hộ, số lượng thành viên của nông hộ, trình độ học vấn

vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	Minh Đức			trung bình của các thành viên trong nông hộ, trình độ học vấn của chủ hộ và số người tham gia vào hoạt động sản xuất PNN trong gia đình.
Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và khả năng đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Văn Dũng	2017	- Phương pháp thống kê mô tả. - Mô hình Logit. - Mô hình hồi quy Binary Logistic.	Mức độ DDHTN của nông hộ còn thấp khi chỉ số SID bình quân chỉ đạt 0,323. Kết quả mô hình hồi quy Binary logistic cho thấy các yếu tố diện tích đất canh tác, tỷ lệ lao động và số thành viên của hộ có tác động đến khả năng DDHTN của nông hộ.
Đa dạng hóa thu nhập hộ gia đình nông thôn ở Đồng bằng Sông Cửu Long và phân tích trường hợp tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Thanh Tuấn	2017	- Phương pháp thống kê mô tả. - Chỉ số Herfindahl nghịch đảo. - Mô hình phân tích hồi quy Tobit.	Kết quả cho thấy 7 biến có ý nghĩa quan dương với ĐDH thu nhập như tuổi chủ hộ, số lao động nông nghiệp, số lao động PNN, số lao động làm công ăn lương, chủ hộ là cán bộ viên chức, tham gia tổ chức công tác xã hội, logarit diện tích đất canh tác; và 2 biến có ý nghĩa tương quan âm với ĐDH thu nhập như học vấn chủ hộ, logarit giá trị nhà. Điều đó thể hiện các biến tương quan dương có tác động tích

				cực đến thu nhập hộ gia đình nông thôn.
Mô hình và yếu tố quyết định đa dạng hóa thu nhập hộ gia đình ở vùng nông thôn Senegal và Kenya	Sarah Alobo và Celine Bignebat	2017	- Chỉ số Herfindahl nghịch đảo. - Mô hình phân tích hồi quy Tobit.	Các yếu tố quan trọng quyết định sự DDHTN bao gồm khả năng tiếp cận các thị trấn nông thôn, tài sản hộ gia đình, các yếu tố nhân khẩu học, cơ hội di cư cũng như nhận thức về an ninh lương thực. Ở cấp độ khu vực, khả năng tiếp cận các thị trấn nông thôn là rất quan trọng đối với WR của hai quốc gia. Trong khi đó, các tài sản như chăn nuôi có ý nghĩa quan trọng ở một số khu vực nhất định như IR của Senegal, WR và IR của Kenya. Di cư là một chiến lược DDH quan trọng trên tất cả các vùng của Senegal, trong khi tín dụng và mạng xã hội chủ yếu quan trọng ở IR của Senegal. Nhận thức về an ninh lương thực là những yếu tố quyết định quan trọng ở một số khu vực nhất định như WR của Kenya và IR của Senegal.
Đa dạng hóa thu nhập và việc áp dụng giống lúa cải tiến trong sản xuất nông	Phạm Tiến Thành và Phạm Bảo Dương	2020	- Mô hình Logit. - Phương pháp ước lượng RE (mô hình	Kết quả cho thấy thu nhập bình quân năm 2014 là 77,4 triệu đồng/năm đã tăng cao hơn so với năm 2012 là 59,89 triệu đồng/năm. Thu nhập từ nông nghiệp mặc dù tăng lên nhưng tỷ trọng lại giảm từ

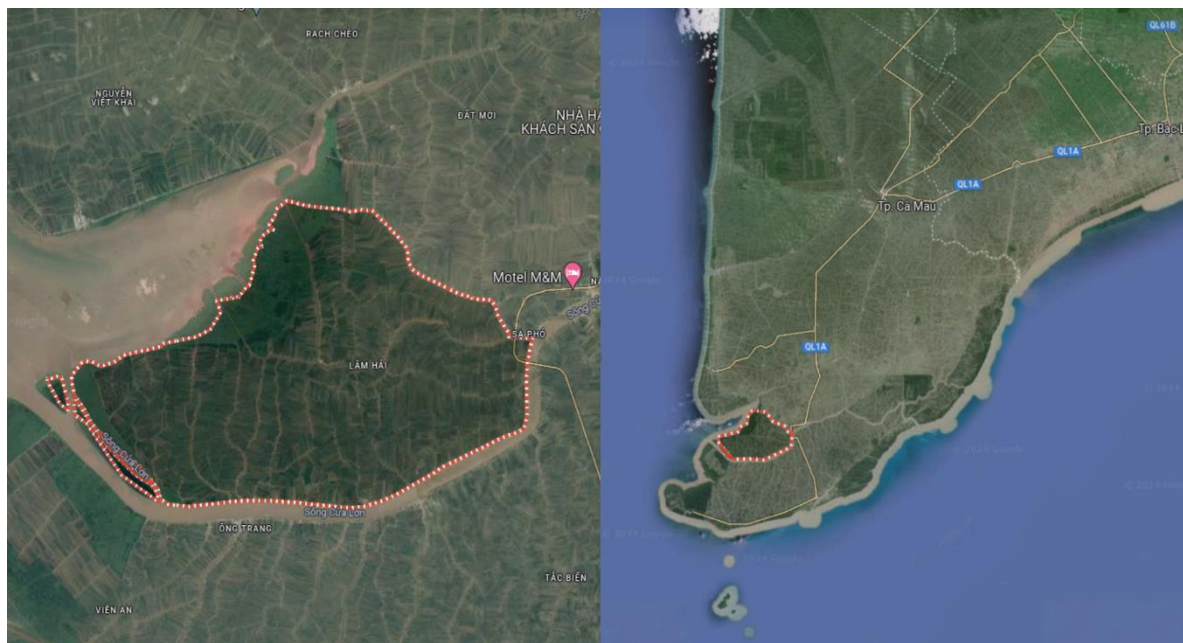
nghiệp ở Việt Nam	tác động ngẫu nhiên).	35,24% xuống còn 31,48%; các hộ có nguồn thu nhập từ hoạt động PNN đều có thu nhập trung bình và tỷ trọng ngày càng tăng; nguồn tự sản xuất kinh doanh và một số nguồn khác có tỷ trọng đang dần giảm. Trong cơ cấu thu nhập hiện tại của nông hộ, thu từ nông nghiệp hiện chỉ chiếm khoảng 1/3. Kết quả ước lượng cũng cho thấy mối quan hệ PNN từ làm công ăn lương, tự sản xuất kinh doanh PNN, chuyển nhượng từ cá nhân có tác động thúc đẩy đối với quyết định giống lúa cải tiến; trong khi khoản thu của hỗ trợ từ chính phủ lại làm giảm quyết định sử dụng giống lúa cải tiến của nông hộ.
Đa dạng thu nhập và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tại Trà Vinh	Lê Trúc Linh 2022	- Thống kê mô tả. - Chỉ số đa dạng Simpson. - Phương pháp hồi quy tuyến tính Logarit. Kết quả phân tích cho thấy chỉ số đa dạng thu nhập thấp (SID = 0,33) và có khoảng cách thu nhập lớn giữa các hộ dân, cụ thể là mức thu nhập thấp nhất là 8,6 triệu đồng/hộ/năm và cao nhất lên đến 350 triệu đồng/hộ/năm. Các biến học vấn, kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của chủ hộ, diện tích đất sản xuất và yếu tố tham gia các tổ chức đoàn thể tại địa phương là những yếu tố chính sẽ góp phần

			gia tăng thu nhập tại địa bàn nghiên cứu.
Di cư lao động có đóng góp đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình? Trường hợp của Đồng bằng Sông Cửu Long	Huỳnh Trường Huy và cộng sự	2022	<p>Kết quả cho thấy mức độ DDHTN của nhóm hộ có thành viên di cư cao hơn so với nhóm hộ không có thành viên di cư (0,720 so với 0,685 về HHI_i), nhưng tổng thu nhập của hộ không có thành viên di cư lại cao hơn hộ còn lại.</p> <p>Những hộ có thành viên quyết định di cư xuất phát từ điều kiện kinh tế khó khăn bởi thu nhập của họ vẫn chủ yếu là từ nông nghiệp (chiếm 42,6%), những thành viên này đã đóng góp đến 14% trong tổng thu nhập hộ.</p> <p>Nguồn tin: Tác giả tổng hợp</p>

2.2. Đặc điểm tổng quát của địa bàn nghiên cứu

2.2.1. Vị trí địa lý

Hình 2. 1. Vị trí địa lý xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau



Nguồn tin: Tác giả tổng hợp

Xã Lâm Hải có tổng diện tích 121,25 km², nằm cách thành phố Cà Mau khoảng 75 km về hướng tây nam. Đây là một xã nằm ở phía tây nam huyện Năm Căn, cách trung tâm huyện 10 km. Phía đông và phía nam của xã giáp huyện Ngọc Hiển với ranh giới là sông Cửa Lớn, phía tây giáp vịnh Thái Lan, phía bắc giáp huyện Phú Tân và xã Đất Mới. Xã có bờ biển dài 14 km bao gồm bốn ấp là Cồn Cát, Nà Lớn, Trại Lưới B và Biện Trưng.

2.2.2. Đặc điểm tự nhiên

a) Địa hình, đất đai

Xã Lâm Hải, huyện Năm Căn có địa hình chủ yếu là đồng bằng ven biển, tương đối thấp và bằng phẳng. Độ cao bình quân 0,5 m đến 1,5 m so với mặt nước biển. Nơi đây có hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của thủy triều. Địa hình được chia cắt tương đối phức tạp do việc chuyển đổi thành mô hình nuôi tôm của nông hộ chủ yếu là tự phát.

Thổ nhưỡng chủ yếu là đất phèn, có độ phì thấp và dễ bị sụt lún. Bề mặt đất đai được cấu tạo bởi bột sét màu nâu nhạt được hình thành thông qua giai đoạn đầm lầy ven biển tích tụ với nguồn đất do phù sa bồi đắp. Khu vực này bị mặn thường xuyên, có

lượng mưa cao nên phù hợp với sự phát triển của các loại cây rừng ngập mặn và nuôi trồng thủy sản.

b) Khí hậu thủy văn

Xã Lâm Hải nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nóng ẩm quanh năm. Dưới tác động chủ yếu của gió mùa theo hướng tây và tây nam, cùng với thủy triều sông Cửa Lớn thông ra vịnh Thái Lan thuận lợi cho việc lưu thông đường thủy, sản xuất thủy sản. Với sự tương đồng khí hậu của miền Tây Nam Bộ nên xã Lâm Hải cũng có hai mùa là mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 10) và mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau). Lượng mưa tập trung chủ yếu vào mùa mưa, chiếm khoảng 90% tổng lượng mưa cả năm.

Khu vực này chịu ảnh hưởng phức tạp và không rõ rệt từ chế độ bán nhật triều ở Biển Đông. Đây là chế độ thủy triều xảy ra hai lần trong ngày, mỗi ngày có hai lần triều lên và hai lần triều xuống, với biên độ triều không đều nhau giữa các lần. Trong một tháng có hai lần triều cường rõ rệt nhất là vào ngày rằm và mùng một âm lịch, còn hai lần triều kém sẽ xảy ra vào thời gian giữa hai kỳ triều cường. Kỳ triều cường và triều kém là một trong những hiện tượng tự nhiên quan trọng, ảnh hưởng nhiều khía cạnh của đời sống và hoạt động kinh tế của các nông hộ. Ở hoạt động khai thác thủy sản của người dân sẽ dựa vào kỳ triều cường để khai thác thủy sản hiệu quả hơn. Ngược lại, trong kỳ triều kém, nguy cơ ngập lụt ở khu vực thấp và ven biển sẽ giảm đi.

2.2.3. Điều kiện kinh tế xã hội

a) Kinh tế

Thế mạnh chủ yếu của xã Lâm Hải là về thủy sản, đây cũng là một trong những thế mạnh hàng đầu của huyện Năm Căn. Tuy nhiên, tình hình kinh tế năm 2023 của cả nước nói chung và huyện Năm Căn nói riêng đã gặp nhiều diễn biến khó khăn như: giá xăng dầu biến động, tình hình dịch bệnh, giá cả một số mặt hàng thủy sản giảm mạnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, triều cường, sạt lở đất ở bờ sông... Dù vậy, tổng lượng thủy sản của huyện vẫn đạt 41.900 tấn; thu ngân sách nhà nước được 44 tỷ đồng; tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên 1.900 tỷ đồng; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm 0,81%; tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán hơn 39%; tỷ lệ rác thải đô thị và khu, cụm công nghiệp được thu gom, xử lý đạt 92%.

Mặc dù huyện Năm Căn có ngành dịch vụ du lịch khá đa dạng, nhưng ở xã Lâm Hải, lĩnh vực này vẫn còn khá yếu. Tuy nhiên, hiện nay người dân và chính quyền đang nỗ lực mở rộng về lĩnh vực dịch vụ du lịch này. Một số địa điểm như khu du lịch Mũi Nai, khu du lịch Sông Trẹm, khu du lịch Lâm Hải đang được chú trọng.

b) Xã hội

Tính đến năm 2024, dân số ở xã là 7.079 người, mật độ dân số đạt khoảng 57 người/km² được phân bố ở 10 ấp. Điều đó cho thấy xã có địa bàn rộng rãi, dân cư thưa hơn so với mặt bằng chung của huyện. Dân tộc nơi đây chủ yếu là người Kinh, ngoài ra còn có người Khmer và Hoa chiếm phần ít (UBND xã Lâm Hải, 2024).

Trên địa bàn xã Lâm Hải có một điểm trường tiểu học và một điểm trường tiểu học kết hợp với mầm non. Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao, cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học cũng được đầu tư hoàn thiện.

Khu vực có một trạm y tế với đầy đủ trang thiết bị nhưng nhân lực còn có chút thấp. Tuy vậy, công tác chăm sóc sức khỏe và tiêm chủng cho người dân nơi đây cũng được đảm bảo. Nằm trong khu vực rừng ngập mặn nên các công tác phòng chống cháy nổ ở Lâm Hải luôn được đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội cũng được giữ vững.

2.3. Thực trạng của vấn đề nghiên cứu

Theo Tổng cục Thống kê, thu nhập bình quân tháng của người lao động là 7,1 triệu đồng, tăng 6,9% so với năm 2022. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên cũng tăng hơn trước. Cụ thể, lực lượng lao động ở khu vực thành thị năm 2023 là 19,5 triệu người, chiếm 37,3%; khu vực nông thôn là 32,9 triệu người, chiếm 62,7%. Khoảng cách giữa lực lượng lao động ở khu vực nông thôn gấp gần 1,7 lần thành thị nhưng mức thu nhập bình quân của lao động thành thị lại gấp 1,4 lần khu vực nông thôn. Con số này vẫn là một trong những thách thức không nhỏ đối với việc xây dựng các chính sách và chương trình đào tạo dành cho người lao động của các sở ban ngành. Sự chênh lệch về lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn không chỉ phản ánh sự khác biệt về cơ hội và điều kiện làm việc mà còn làm gia tăng bất bình đẳng xã hội. Nếu không được giải quyết kịp thời và hiệu quả, chênh lệch này có thể góp phần tăng cường sự bất ổn xã hội và tạo ra những thách thức phức tạp cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Một số ngành kinh tế trong năm 2023 cũng được ghi nhận tốc độ tăng thu nhập bình quân khá so với năm trước. Trong đó, thu nhập bình quân tháng của lao động ngành khai khoáng là 10,3 triệu đồng, tăng 11,2%; ngành dịch vụ lưu trú ăn uống là 6,8 triệu đồng, tăng 8,6%; ngành vận tải kho bãi là 9,8 triệu đồng, tăng 8,3%; ngành bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy là 8,3 triệu đồng, tăng 7,8%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4,1 triệu đồng, tăng 6,6%. Tuy nhiên, khi xem xét theo khu vực kinh tế, lao động có việc làm chỉ tăng nhẹ ở khu vực công nghiệp và xây dựng là 1,5% và khu vực dịch vụ là 2,8%; trong khi đó, lao động có việc làm ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản lại giảm 0,9% so với năm 2022. Như vậy, mặc dù nguồn thu của các nông hộ có gia tăng hơn so với trước nhưng vẫn chưa đủ để tạo việc làm cho các hộ dân. Hơn nữa, khi so sánh với thu nhập bình quân chung, liệu nguồn thu từ mỗi ngành nông, lâm, ngư có đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng được nâng cao của các hộ nông dân hiện nay? Điều này đặt ra câu hỏi về cách thức phân phối thu nhập và cải thiện điều kiện làm việc trong các ngành, nhằm đảm bảo rằng nguồn thu nhập từ nông, lâm, ngư nghiệp không chỉ tăng trưởng mạnh mẽ mà còn được chia sẻ công bằng và mang lại lợi ích cho toàn bộ cộng đồng nông dân.

Nền kinh tế cả nước nói chung và tỉnh Cà Mau nói riêng đang khởi sắc trở lại sau trận đại dịch Covid-19. Tại Cà Mau, năng suất và nguồn thu của các hoạt động kinh tế cũng ngày càng được cải thiện. Nổi tiếng với nguồn thủy sản từ việc nuôi và khai thác tôm cua ngon, chất lượng. Nhưng người dân nơi đây đã phải trải qua nhiều thiên tai, thiệt hại như chìm tàu, sạt lở đất trên một số huyện, triều cường dâng cao và sóng biển đánh làm bể bờ bao vuông tôm tại huyện Năm Căn... làm tổn thất hàng trăm triệu đồng. Ngoài ra, tình hình dịch bệnh thủy sản cũng đang diễn biến nặng hơn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến thu nhập của người dân nơi đây. Một tỉnh xảy ra dịch bệnh trầm trọng nhất, từ số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì tổng diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại năm 2023 tại tỉnh Cà Mau khoảng 22.500 ha, tăng 12,3% so với 2022. Là huyện có diện tích nuôi tôm thứ nhì toàn tỉnh, huyện Năm Căn cũng đã chịu thiệt hại không kém. Nguồn thu nhập chính của các nông hộ ngày càng thấp, các thành viên trong hộ đã dần không còn chỉ dựa vào nguồn thu từ việc nuôi tôm cua.

CHƯƠNG 3

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Cơ sở lý luận

3.1.1. Một số khái niệm

a) Nông hộ

Khái niệm: Nông hộ là hộ gia đình mà các thành viên trong hộ sẽ dành phần lớn thời gian cho các hoạt động nông nghiệp cũng như một số hoạt động liên quan đến thị trường các yếu tố đầu vào và đầu ra (Nguyễn Văn Dũng, 2017).

Đặc điểm nông hộ: là một đơn vị kinh tế cơ sở vừa là một đơn vị sản xuất vừa là một đơn vị tiêu dùng; quan hệ giữa tiêu dùng và sản xuất thể hiện ở trình độ phát triển của hộ tự cấp, tự túc. Trình độ này quyết định quan hệ giữa hộ nông dân và thị trường (Lê Thị Nghệ và cộng sự, 2006).

b) Đa dạng hóa thu nhập

DDHTN được xem là quá trình mà nông hộ quyết định tham gia thực hiện các hoạt động khác nhau nhằm mục đích gia tăng số lượng các nguồn thu nhập từ các hoạt động PNN trong tổng thu nhập của nông hộ (Ellis, 1998). Những nông hộ có thu nhập ngoài nguồn thu nhập chính mang lại từ các hoạt động nông nghiệp được xem là nông hộ DDHTN và ngược lại nông hộ chỉ có thu nhập từ nông nghiệp được xem là không DDHTN.

Theo Ngân hàng Thế giới (2005), cần DDHTN trong nông nghiệp bởi vì:

- Thứ nhất, sự gia tăng thu nhập và giảm nhu cầu các mặt hàng lương thực truyền thống: năng suất và sản lượng lúa gạo sản xuất ra đã tăng đáng kể, nhưng nhu cầu lương thực truyền thống kể cả lúa gạo đã bắt đầu giảm trong thập kỷ gần đây. Nguyên nhân do sự thay đổi trong thu nhập của người dân kéo theo nhu cầu tiêu dùng của họ cũng thay đổi, trong đó nhu cầu lương thực đã qua chế biến có giá trị cao và các hàng hóa phi lương thực tăng nhanh.

- Thứ hai, an toàn thu nhập và giảm rủi ro: với xu hướng biến động lớn về giá cả nông sản, việc đa dạng hóa (DDH) các cây trồng và các hệ thống sản xuất vào nhiều

thời điểm khác nhau trong năm sẽ giúp nông dân giảm bớt các khó khăn thông qua việc phân tán rủi ro để ổn định thu nhập cho nông hộ.

- Thứ ba, sử dụng hiệu quả các tài nguyên: việc DDH sẽ giúp cải thiện hiệu quả sử dụng và phân bổ tài nguyên cho sản xuất nông nghiệp. Thông qua DDH, nông dân sẽ tìm ra cách sử dụng các tài nguyên của họ hợp lý hơn để đạt được hiệu quả hoàn vốn cao hơn và dễ tiêu thụ hơn trên thị trường. DDH cũng còn là phương thức hiệu quả để tối ưu hóa sử dụng nguồn vốn xã hội (ví dụ như lao động nông thôn) trong các vùng nông thôn nơi mà thất nghiệp và không đủ việc làm vẫn còn cao.

- Thứ tư, quản lý môi trường bền vững: Ngoài các khía cạnh kinh tế đã được nêu trên, DDH nông nghiệp có hiệu quả sẽ đóng góp tích cực vào việc cải thiện môi trường tự nhiên và môi trường sản xuất. Một số mô hình sản xuất độc canh hiện nay (ví dụ như độc canh cây lúa) đang tạo ra các quan ngại về môi trường và sẽ không bền vững về lâu dài. Sản xuất độc canh thường gây ra sự suy thoái về dinh dưỡng trong đất, sử dụng quá nhiều hóa chất và gây ô nhiễm, đồng thời tạo ra các loại dịch hại có sức đề kháng cao.

Do vậy, DDH nông nghiệp có hiệu quả sẽ tạo cho nông dân một phương thức canh tác bền vững để tránh các vấn đề lâu dài về môi trường gây ra do sản xuất độc canh (Nguyễn Văn Dũng, 2017).

3.1.2. Một số chỉ tiêu tính toán

* Thu nhập từ nông hộ là tổng giá trị thu nhập từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và các hoạt động PNN của hộ gia đình trong một năm. Đây cũng là một trong những chỉ tiêu sử dụng để đánh giá tình trạng kinh tế - xã hội của một địa phương nào đó.

Thu nhập từ nông hộ = Thu nhập nông nghiệp + Thu nhập phi nông nghiệp

* Tổng chi tiêu của nông hộ thường bao gồm các chi phí để đáp ứng nhu cầu của các thành viên trong hộ cũng như các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất. Cả hai loại chi phí này thường được tính đến để đảm bảo cung cấp đủ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình cũng như duy trì và phát triển hoạt động sản xuất.

Tổng chi tiêu của nông hộ = Chi tiêu của hộ + Chi phí sản xuất mua ngoài

3.1.3. Cơ sở lý thuyết trong xây dựng mô hình

a) Cơ sở lý thuyết

Trần Tiên Khai và Nguyễn Ngọc Danh (2014) đã phân loại các yếu tố quyết định tác động tới DDH như sau: (i) Vốn con người của hộ bao gồm số lượng và chất lượng trí tuệ và thể chất; (ii) Tài nguyên thiên nhiên của hộ thể hiện qua đất đai sử dụng; (iii) Tài sản vật chất của hộ; (iv) Vốn tài chính của hộ như tiền, chủ yếu là tiền tiết kiệm và vay mượn; (v) Vốn xã hộ của hộ thể hiện qua quan hệ sắc tộc và các quan hệ xã hội khác; ngoài ra còn có những yếu tố bên ngoài ảnh hưởng như cơ sở hạ tầng công cộng và sự có mặt của thị trường tài chính cũng đưa vào mô hình thực nghiệm. Kết quả thể hiện tất cả các yếu tố trên đều có biến đại diện tác động đến DDHTN.

Khúc Văn Quý và cộng sự (2016) cho biết các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ số DDHTN bao gồm: thời gian định cư, quy mô hộ và quy mô đất đai. Bởi chỉ số này càng cao thì thu nhập hộ gia đình càng cao.

Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức (2016) đã có kết quả thảo luận thông qua nghiên cứu cho thấy xác suất DDHTN chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố là đào tạo nghề, số người phụ thuộc trong nông hộ, số lượng thành viên của nông hộ, trình độ học vấn trung bình của các thành viên trong nông hộ, trình độ học vấn của chủ hộ và số người tham gia vào hoạt động sản xuất PNN trong gia đình.

Nguyễn Văn Dũng (2017) đã phân tích và cho ra kết quả các yếu tố có tác động đến khả năng DDHTN của nông hộ là diện tích đất canh tác, tỷ lệ lao động, giới tính của chủ hộ, khả năng tiếp cận vốn, tham gia tập huấn kỹ thuật, thành viên của hộ. Bên cạnh đó, số hoạt động tạo ra thu nhập các thành viên của nông hộ chủ yếu là 2 và cao nhất là 4 hoạt động.

Nguyễn Thanh Tuấn (2017) đã chỉ ra các nhân tố tác động đến DDHTN như: về vốn con người (có biến tuổi chủ hộ, trình độ học vấn chủ hộ, số lao động hoạt động từ nông nghiệp, số lao động hoạt động PNN, làm công ăn lương); vốn xã hội; vốn tự nhiên (có biến diện tích đất sản xuất); vốn vật chất (có biến giá trị đất ở).

Sarah Alobo và Celine Bignebat (2017) đã nêu lên các yếu tố quan trọng quyết định sự DDHTN bao gồm khả năng tiếp cận các thị trấn nông thôn, tài sản hộ gia đình, các yếu tố nhân khẩu học, cơ hội di cư cũng như nhận thức về an ninh lương thực.

Phạm Tiến Thành và Phạm Bảo Dương (2020) cho thấy thu nhập của các hộ gia đình nông thôn chủ yếu từ các hoạt động PNN, chiếm khoảng 2/3 tổng thu nhập của hộ, còn thu từ các hoạt động nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 1/3.

Lê Trúc Linh (2022) đã cho ra kết quả về chỉ số DDHTN của nông hộ rất thấp. Các nông hộ đó chủ yếu nằm ở nhóm thu nhập nghèo, cận nghèo, trung bình – khá (đây là nhóm có hơn hai nguồn thu nhập).

Huỳnh Trường Huy và cộng sự (2022) đã phân tích và cho thấy mức độ DDHTN của nhóm thành viên di cư cao hơn so với nhóm hộ không có thành viên di cư. Quyết định di cư và những dòng trợ cấp từ thành viên di cư đã góp phần gia tăng thu nhập, cải thiện đời sống của hộ gia đình.

Schwarze và Zeller (2005) đã cho rằng tình trạng kinh tế xã hội và khả năng tiếp cận thị trường tài chính chính thức đều có tác động tích cực đến các yếu tố quyết định DDHTN. Khả năng tiếp cận vốn xã hội và tình trạng mất mùa đều có tác động tích cực đến chỉ số đo lường sự đa dạng, trong khi tình trạng kinh tế xã hội và khoảng cách đến đường sá lại có tác động tiêu cực.

b) Mô hình đề xuất

* GIOITINH: Giới tính chủ hộ

Giới tính chủ hộ sẽ ảnh hưởng đến mức độ đa dạng thu nhập của hộ gia đình. Bởi chủ hộ của các hộ gia đình nông thôn có giới tính chủ yếu là nam, có tác động tích cực đến chỉ số DDH (Nguyễn Thanh Tuấn, 2017). Điều này hoàn toàn phù hợp vì theo truyền thống nam giới thường là người đủ kinh nghiệm để quyết định các vấn đề trong gia đình, hay các vấn đề liên quan đến thu nhập, định hướng – quyết định loại hình sản xuất kinh doanh trong gia đình (Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức, 2016).

* TUOI: Tuổi chủ hộ

Tuổi chủ hộ tác động đến DDHTN của hộ gia đình nông thôn. Chủ hộ càng lớn tuổi càng có kinh nghiệm, có nhiều mối quan hệ nên họ có thể tham gia nhiều hoạt động tạo thu nhập, tuổi của chủ hộ càng lớn càng tác động tích cực đến DDHTN của hộ gia đình nông thôn (Nguyễn Thanh Tuấn, 2017). Tuy nhiên, điều này lại đi ngược lại với kết quả nghiên cứu của Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức (2016) rằng không có sự khác biệt về tuổi chủ hộ giữa những hộ có DDHTN và hộ không DDHTN.

* HOCVAN: Trình độ học vấn

Chất lượng nguồn nhân lực của hộ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hộ tiến tới những hoạt động DDH (Trần Tiến Khai và Nguyễn Ngọc Danh, 2014). Trình độ học vấn của chủ hộ càng cao thì khả năng ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp càng cao (Nguyễn Văn Dũng, 2017). Từ đó, mức độ DDH mạnh hơn khi trình độ học vấn tăng lên (Trần Tiến Khai và Nguyễn Ngọc Danh, 2014).

* TGDC: Thời gian định cư

Các hộ gia đình nông thôn hầu hết họ đã ở và nổi nghiệp qua nhiều thế hệ. Theo Khúc Văn Quý và cộng sự (2016) cho biết nếu hộ gia đình định cư càng lâu thì chỉ số đa dạng nguồn thu nhập càng thấp.

* THANHVIEN: Số thành viên trong hộ

Nông hộ có thành viên nhiều hơn sẽ có khả năng DDHTN cao hơn. Bởi số thành viên càng nhiều thì lao động dư thừa trong sản xuất nông nghiệp sẽ dư dẫn đến tăng DDHTN từ nguồn làm thuê hay hoạt động PNN (Nguyễn Văn Dũng, 2017), điều này cũng phù hợp với nghiên cứu của Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức (2016), Sarah Aloba và Celine Bignebat (2017).

* DAT: Diện tích đất canh tác

Đất đai là nguồn lực quan trọng đối với hộ gia đình nông thôn. Diện tích đất nông nghiệp hộ nắm giữ càng ít thì mức độ DDHTN càng tăng và ngược lại. Đối với hộ có diện tích đất lớn sẽ làm tăng sự tham gia vào các hoạt động nông nghiệp, chuyên canh, thuần nông. Các hộ gia đình sẽ có xu hướng chỉ tập trung hơn vào sản xuất nông nghiệp nên ít tham gia vào các hoạt động DDHTN. Phát hiện này hàm ý rằng việc giữ đất càng nhiều thì càng làm hạn chế đối với các hoạt động PNN (Nguyễn Thanh Tuấn, 2017).

* DICU: Thành viên di cư

Di cư được xem như chiến lược DDHTN của hộ trên cơ sở phân bố lực lượng lao động tham gia các hoạt động sinh kế tại địa phương và nơi khác (Sarah Aloba và Celine Bignebat, 2017). Quyết định di cư và những dòng trợ cấp từ thành viên di cư đã góp phần gia tăng thu nhập, cải thiện đời sống của hộ gia đình (Huỳnh Trường Huy và cộng sự, 2022)

* TINDUNG: Tín dụng

Nguồn vốn tín dụng là điều kiện để hộ nông thôn tăng cường đầu tư sản xuất kinh doanh, chuyển đổi phương thức sản xuất có hiệu quả hơn. Vì vậy, mức độ đa dạng hoá

của nông hộ cũng nhiều hơn. Vốn từ nguồn tín dụng của ngân hàng hoặc từ ngân hàng chính sách xã hội sẽ là lãi suất bình quân thấp nhất sẽ làm giảm chi phí đầu vào cho hộ, tăng lợi nhuận hơn khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh nên tín dụng có sự khác biệt đến DDHTN (Trần Tiến Khai và Nguyễn Ngọc Danh, 2014).

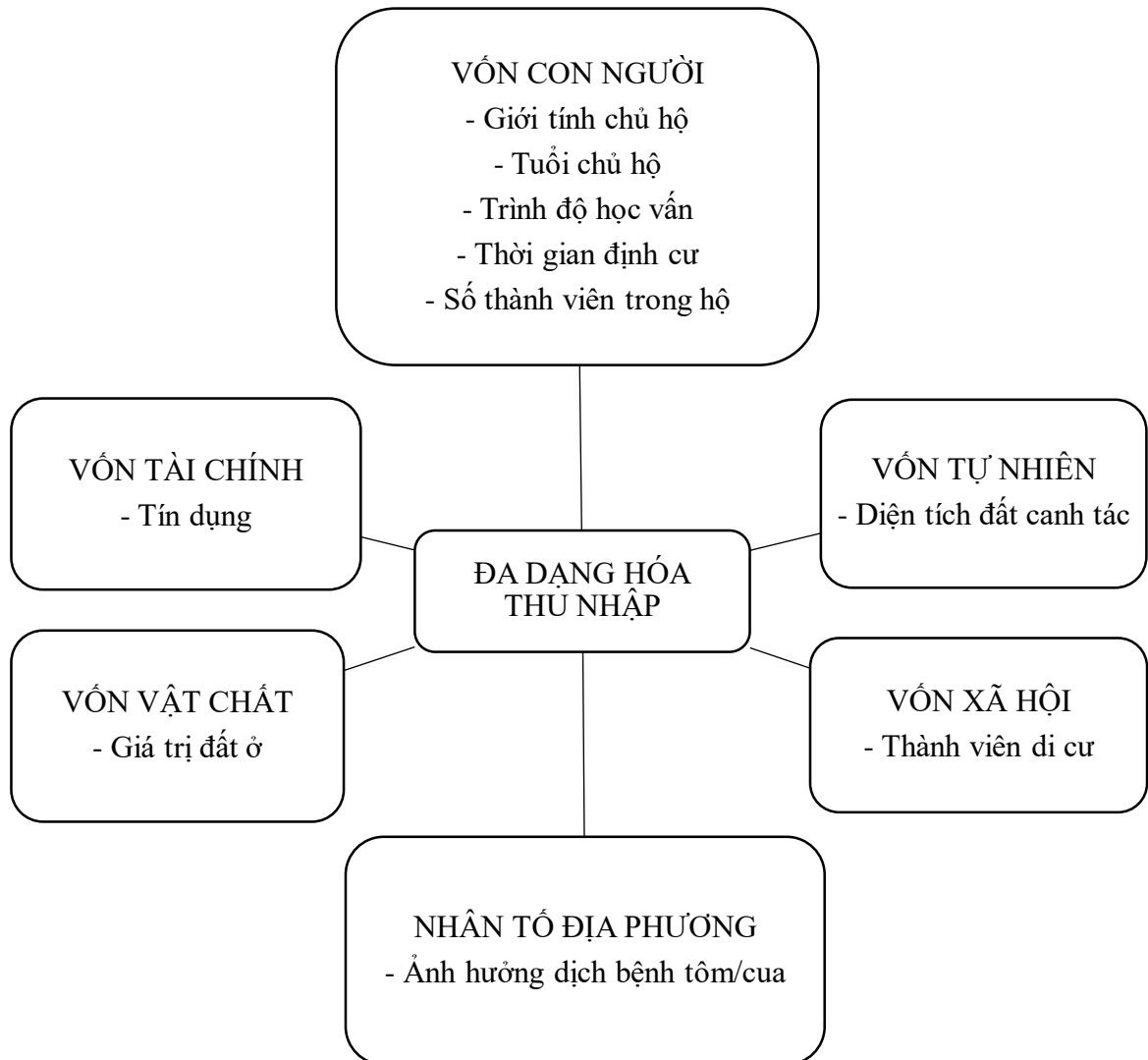
* DATO: Giá trị đất ở

Số lượng hoặc diện tích nhà ở có tác động đến DDH. Bởi vì hộ có nhà ở ổn định, họ không phải trả tiền thuê nhà, điều kiện sinh sống ổn định nên yên tâm tìm được nhiều việc làm tạo ra thu nhập cho hộ (Nguyễn Thanh Tuấn, 2017).

* DICH: Ảnh hưởng dịch bệnh tôm/cua

Sự thiệt hại từ dịch bệnh là sự thiệt hại mà khó hộ dân nào có thể lường trước được. Các hộ nông dân luôn cho rằng sẽ không có thiệt hại xảy ra, nhưng sự thật rằng số thiệt hại đã hơn gấp nhiều lần so với suy nghĩ của họ (Nguyễn Thanh Tuấn, 2017). Nghiên cứu của Schwarze và Zeller (2005) cũng chỉ ra rằng các cú sốc trong nông nghiệp đang tác động tích cực đến quá trình DDHTN. DDH làm giảm khả năng dễ bị tổn thương, là cách hộ gia đình nông thôn tự bảo vệ mình trước những thiên tai, dịch bệnh.

Hình 3. 1. Mô Hình Nghiên Cứu Đề Xuất



Nguồn tin: Tác giả tổng hợp

3.2. Phương pháp nghiên cứu

3.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

a) Số liệu sơ cấp

Dữ liệu sơ cấp được tiến hành thu thập thông tin bằng cách chọn theo phương pháp ngẫu nhiên và phỏng vấn trực tiếp nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau bằng bảng câu hỏi. Theo Vũ Thị Thanh Thủy (2022) thì cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được là:

$$n \geq 50 + 8m$$

Trong đó:

n: là cỡ mẫu

m: là số lượng biến độc lập

Đề tài sử dụng công thức này với 10 biến độc lập trong mô hình nghiên cứu thì tổng số mẫu ít nhất cần đạt được là 130 hộ. Tuy nhiên, do hạn chế về mặt thời gian và chi phí nên đề tài chỉ thu thập 75 hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

b) Số liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp là dữ liệu đã có sẵn, không phải do mình thu thập đã công bố nên dễ thu thập, ít tốn thời gian, tiền bạc trong quá trình thu thập nhưng là loại tài liệu quan trọng trong việc nghiên cứu tiếp thị cũng như các ngành khoa học xã hội khác.

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nghiên cứu về DDHTN, các thông tin được công bố của Sở ban ngành tỉnh Cà Mau như Sở Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, UBND huyện Năm Căn, UBND xã Lâm Hải. Bên cạnh đó, còn có các nguồn từ Tổng cục Thống kê, các tài liệu khoa học, các báo, tạp chí, luận văn, website...

3.2.2. Công cụ xử lý và phân tích số liệu

Trong nghiên cứu này, các phần mềm Excel và Stata được sử dụng để đánh giá mức độ DDH trong thu nhập và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng DDHTN của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Để thống kê số liệu, so sánh và tính toán tỷ lệ của các biến ảnh hưởng, phân tích ý nghĩa các con số được hiển thị thuộc các biến, ta thông qua các bước sau:

Mã hóa số liệu: chuyển đổi các số liệu định tính thành các con số cụ thể. Số liệu định lượng thì không cần chuyển đổi.

Nhập số liệu: thiết kế file số liệu nhằm thuận tiện cho việc nhập liệu và lưu trữ sau khi thu thập.

Hiệu chỉnh số liệu: kiểm tra và rà soát những lỗi sai sót trong quá trình nhập số liệu ghi tay sang file số liệu điện tử.

Xử lý tài liệu thứ cấp: tiến hành sàng lọc, phân loại, sắp xếp các tài liệu thu thập được và ghi chép đầy đủ các thông tin của tài liệu như nội dung, tác giả, năm xuất bản để trích dẫn dùng cho đề tài nghiên cứu.

Xử lý tài liệu sơ cấp: ghi chép lại kết quả qua quá trình phỏng vấn trực tiếp nông hộ bằng phiếu điều tra. Sử dụng các phần mềm Excel, Stata để xử lý và phân tích dữ liệu.

3.2.3. Phương pháp phân tích

a) Phương pháp thống kê mô tả

Phương pháp thống kê mô tả là phương pháp bao gồm thu thập thông tin, số liệu; tính toán các đặc trưng đo lường, mô tả và trình bày số liệu nhằm khái quát một đặc trưng nào đó của tổng thể nghiên cứu.

Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả, cụ thể là phương pháp phân phối tần số nhằm mô tả, tìm hiểu về đặc tính phân phối của mẫu thu thập. Ngoài ra, chúng ta còn sử dụng số trung bình, số lớn nhất, nhỏ nhất, tỷ lệ phần trăm, độ lệch chuẩn... để mô tả chi phí, thu nhập của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.

b) Phương pháp so sánh

So sánh tuyệt đối được thực hiện bằng cách lấy giá trị của chỉ tiêu hoặc nhân tố ở kỳ nghiên cứu trừ giá trị tương ứng của chúng ở kỳ gốc trong điều kiện thời gian, địa điểm cụ thể. Kết quả so sánh được gọi là chênh lệch, nó phản ánh xu hướng và mức độ biến động của chỉ tiêu và nhân tố.

So sánh tương đối là tỷ lệ phần trăm (%) của chỉ tiêu kì phân tích so với chỉ tiêu gốc để thể hiện mức độ hoàn thành hoặc tỷ lệ của số chênh lệch tuyệt đối với chỉ tiêu gốc để nói lên tốc độ tăng trưởng.

c) Chỉ số Herfindahl nghịch đảo (HHI_i)

Đề tài sử dụng chỉ số Herfindahl nghịch đảo – một trong những phương pháp thay thế và được sử dụng phổ biến để tính toán ĐDHTN của hộ gia đình. Chỉ số Herfindahl nghịch đảo tính đến số lượng nguồn thu nhập và tỉ trọng của mỗi nguồn trong tổng thu nhập của hộ; thể hiện sự đa dạng hoặc ổn định của thu nhập hộ gia đình (Trần Tiến Khai & Nguyễn Ngọc Danh, 2014); có độ biến thiên rộng hơn chỉ số Simpson nên không cần dùng hệ số phóng đại khi xem xét đánh giá (Nguyễn Thanh Tuấn, 2017).

$$DDH = \frac{1}{\sum_{i=1}^n (P_i)^2}$$

Trong đó: P_i là tỷ trọng nguồn thu nhập thứ i và n là số thành phần thu thập của hộ gia đình. Giá trị càng lớn thì thu nhập của các hộ có mức độ đa dạng càng cao và ngược lại. Đối với các hộ chỉ phụ thuộc vào một nguồn thu nhập, DDH có trên giá trị tối thiểu là 1 (Nguyễn Thanh Tuấn, 2017). Trong thực tế, tỷ lệ hộ chỉ phụ thuộc duy nhất vào một nguồn thu nhập khá thấp và số nguồn thu nhập của hộ thường tương ứng từ 3 –

4 hoạt động: tiền lương, sản xuất nông nghiệp, PNN, và thu nhập khác (Huỳnh Trường Huy & cộng sự, 2022).

d) Phương pháp hồi quy Binary Logistic

Mô hình hồi quy Binary Logistic được dùng nhằm phân tích các biến độc lập ảnh hưởng đến biến phụ thuộc là khả năng DDHTN của nông hộ, với đặc điểm biến phụ thuộc là biến nhị phân (có = 1, không = 0). Về mặt toán học, mô hình được viết như sau:

$$P_i = \frac{1}{1 + e^{-z_i}}$$

Hay

$$P_i = \frac{e^{(\beta_0 + \beta_1 X_1 + \dots + \beta_k X_k)}}{1 + e^{(\beta_0 + \beta_1 X_1 + \dots + \beta_k X_k)}}$$

Sử dụng phương pháp tuyến tính hóa biến đổi phương trình trên, mô hình hồi quy Binary Logistic được phát biểu như sau:

$$\ln \frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_k X_k + u_j$$

Trong đó:

$P(Y=1) = P_0$: xác suất nông hộ đa dạng hoá thu nhập.

$P(Y=0) = 1 - P_0$: xác suất nông hộ không đa dạng hoá thu nhập.

X_k : các biến độc lập.

u_j : sai số ngẫu nhiên.

β_k : các hệ số ước lượng của các biến X_k .

Mô hình thực tiễn:

$$DDH = \beta_0 + \beta_1 GIOITINH + \beta_2 TUOI + \beta_3 HOCVAN + \beta_4 TGDC + \beta_5 THANHVIEN + \beta_6 DAT + \beta_7 DICU + \beta_8 TINDUNG + \beta_9 DATO + \beta_{10} DICH + u_j$$

Bảng 3. 1. Kỳ Vọng Dấu của Mô Hình

Tên biến	Kỳ vọng dấu	Giải thích	Đơn vị	Nguồn tham khảo
Giới tính chủ hộ (GIOITINH)	+	Khi giới tính chủ hộ là nam thì xu hướng DDHTN của nông hộ càng tăng.	0 - 1	Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức (2016)
Tuổi chủ hộ (TUOI)	+/-	Khi tuổi chủ hộ càng lớn thì xu hướng DDHTN của nông hộ càng tăng. Tuy nhiên, tuổi chủ hộ chưa chắc đã tạo ra sự khác biệt giữa những hộ có DDHTN và hộ không DDHTN.	Tuổi	Nguyễn Thanh Tuấn (2017), Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức (2016)
Trình độ học vấn (HOCVAN)	+	Khi trình độ học vấn càng cao thì xu hướng DDHTN của nông hộ càng tăng.	Năm	Trần Tiến Khai và Nguyễn Ngọc Danh (2014), Nguyễn Văn Dũng (2017)
Thời gian định cư (TGDC)	-	Khi thời gian định cư càng lâu thì xu hướng DDHTN của nông hộ càng giảm.	Năm	Khúc Văn Quý và cộng sự (2016)
Số thành viên trong hộ (THANHVIENT)	+	Khi số thành viên trong hộ càng nhiều thì xu hướng DDHTN của nông hộ càng tăng.	Người	Nguyễn Thanh Tuấn (2017), Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức (2016)
Diện tích đất canh tác (DAT)	-	Khi diện tích đất canh tác của nông hộ càng lớn thì xu	1.000 m ²	Nguyễn Thanh Tuấn (2017)

		hướng DDHTN của nông hộ càng giảm.		
Thành viên di cư (DICU)	+	Khi thành viên di cư trong hộ càng nhiều thì xu hướng DDHTN của nông hộ càng tăng.	Người	Huỳnh Trường Huy và cộng sự (2022)
Tín dụng (TINDUNG)	+	Khi nguồn vốn tín dụng trong hộ tăng thì xu hướng DDHTN của nông hộ cũng càng tăng.	0 - 1	Trần Tiến Khai và Nguyễn Ngọc Danh (2014)
Giá trị đất ở (DATO)	+	Khi giá trị đất ở càng nhiều thì xu hướng DDHTN của nông hộ càng tăng.	Nghìn đồng	Nguyễn Thanh Tuấn (2017)
Ảnh hưởng dịch bệnh tôm/cua (DICH)	+	Khi tình hình dịch bệnh càng tăng thì xu hướng DDHTN của nông hộ cũng càng tăng.	Tháng/năm	Schwarze và Zeller (2005)

Nguồn tin: Tác giả tổng hợp

CHƯƠNG 4

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Mô tả thực trạng thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

4.1.1. Đặc điểm của nông hộ

Theo kết quả khảo sát cho thấy, chủ hộ là nam với tỷ lệ 82,67% và 17,33% là nữ trong tổng số hộ được khảo sát (Bảng 4.1). Điều này cho thấy sự chênh lệch rõ rệt về tỷ lệ giới tính trong số các chủ hộ nông nghiệp. Sự phân bố giới tính không cân đối này có liên quan đến các yếu tố như văn hóa, truyền thống, cơ cấu công việc trong nông nghiệp. Vì thế nên nam giới thường chiếm tỷ lệ lớn hơn trong vai trò chủ nông hộ.

Bảng 4. 1. Giới Tính của Chủ Hộ

Giới tính chủ hộ	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Nam	62	82,67
Nữ	13	17,33
Tổng cộng	75	100

Nguồn tin: Kết quả khảo sát, tháng 4/2024

Theo dữ liệu được trình bày ở Bảng 4.2, tuổi trung bình của chủ hộ là 51,92 tuổi, tuổi thấp nhất 26 tuổi và cao nhất 79 tuổi. Độ lệch chuẩn tương đối cao với con số 11,03, cho thấy sự đa dạng về độ tuổi của chủ hộ trong mẫu dữ liệu. Trình độ học vấn của chủ hộ thấp nhất là 3 năm và cao nhất là 16 năm. Trung bình học vấn của chủ hộ ở mức 8,77, con số này thể hiện học vấn không cao nhưng cũng không quá thấp. Trình độ học vấn của chủ hộ càng cao thì khả năng tăng hiệu quả sản xuất, góp phần giúp tăng thu nhập của hộ cũng sẽ càng cao. Về thời gian định cư, phần lớn người dân nơi đây đều định cư qua nhiều thế hệ. Điều đó thấy rõ khi thời gian định cư trung bình của chủ hộ 49,84 năm, số năm thấp nhất là 25 năm và 79 năm là cao nhất.

Bảng 4. 2. Thông Tin Tổng Quát về Chủ Hộ trong Năm 2023

DVT: năm

Chỉ tiêu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Tuổi chủ hộ	26	79	51,92	11,03
Học vấn chủ hộ	3	16	8,77	2,70
Thời gian định cư	25	79	49,84	11,47

Nguồn tin: Kết quả khảo sát, tháng 4/2024

Qua kết quả khảo sát như Bảng 4.3 cho thấy phần lớn quy mô nông hộ trung bình có khoảng 4 thành viên, trong đó quy mô hộ nhỏ nhất là 1 người và lớn nhất là 7 người. Tỷ lệ lao động trung bình chiếm khá cao với 73,82% tổng số người trong hộ và số hộ có tỷ lệ lao động tối đa là 100%, tỷ lệ nhỏ nhất cũng chỉ 28,57%. Tổng số nhân khẩu cũng như tỷ lệ lao động càng cao thì khả năng DDH nhằm tăng thêm nguồn thu nhập của các nông hộ cũng sẽ càng cao.

Theo thống kê từ kết quả khảo sát, tổng diện tích đất trung bình là 45.570 m². Sự phân bố không đồng đều của tài nguyên đất đai trong cộng đồng được thể hiện rõ khi diện tích đất lớn nhất nông hộ sở hữu lên đến 130.000 m², trong khi diện tích nhỏ nhất chỉ 15.000 m² (Bảng 4.3). Tổng thu nhập trung bình của nông hộ trong năm 2023 là 261,187 triệu đồng, phạm vi thu nhập từ 50 triệu đến 1.090 triệu đồng. Độ lệch chuẩn của thu nhập khá lớn cho thấy sự biến động lớn về thu nhập giữa các nông hộ, nói cách khác là sự không đồng đều trong thu nhập giữa các hộ. Xét về tổng chi tiêu của hộ trong năm 2023, ta có thể thấy chi tiêu trung bình của hộ là 138,264 triệu đồng và tổng chi tiêu cao nhất là 502,439 triệu đồng ít hơn so với thu nhập. Nhưng mức tổng chi tiêu thấp nhất của hộ là 53,27 triệu đồng, cao hơn khoảng 1,77 lần so với tổng thu nhập thấp nhất. Điều đó cho thấy nguồn thu nhập trong năm qua đã không đảm bảo đủ cho nhu cầu tiêu dùng của người dân.

Bảng 4. 3. Đặc Điểm Chung về Nguồn Lực Nông Hộ trong Năm 2023

Nguồn lực	Đơn vị tính	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Nhân khẩu	Người	1	7	4,04	1,28
Tỷ lệ lao động	%	28,57	100	73,82	23,71
Tổng diện tích đất	1.000 m ²	15	130	45,57	21,91
Tổng thu nhập	1.000 đồng	50.000	1.090.000	261.186,67	165.142,42
Tổng chi tiêu	1.000 đồng	53.270	502.439	138.264,45	71.087,95

Nguồn tin: Kết quả khảo sát, tháng 4/2024

4.1.2. Thực trạng thu nhập của nông hộ

Qua kết quả điều tra thu nhập của nông hộ chủ yếu từ các nguồn như nuôi trồng thủy sản, làm công ăn lương, buôn bán và cán bộ viên chức.

Bảng 4.4 cho thấy nguồn thu nhập từ NTTS (nuôi trồng thủy sản) trung bình trong năm 2023 là 131,893 triệu đồng. Thu nhập cao nhất đạt 450 triệu đồng, trong khi thu nhập thấp nhất chỉ là 15 triệu đồng trong một năm. Sự khác biệt giữa thu này cho thấy có sự chênh lệch đáng kể về hiệu quả kinh tế giữa các nông hộ. Điều này có thể do nhiều yếu tố như quy mô sản xuất, kỹ thuật nuôi trồng, khả năng tiếp cận thị trường, và mức độ áp dụng công nghệ. Dù các hộ điều tra đều là nông hộ nuôi trồng thủy sản, nguồn thu này vẫn được coi là khá thấp, chỉ chiếm tỷ trọng 23,17% so với tổng nguồn thu nhập gia đình. Điều này cho thấy các hộ nông dân đang phải dựa vào các nguồn thu nhập khác để duy trì cuộc sống, phản ánh một nhu cầu cấp thiết về DDHTN. Độ lệch chuẩn của nguồn thu này là 87.895,14, cho thấy sự biến động lớn và không ổn định trong mức thu nhập của các hộ nông dân.

Ngoài tham gia vào NTTS, các thành viên trong hộ còn tham gia vào một số hoạt động PNN. Nguồn thu nhập từ LCAL (làm công ăn lương) đang dần trở thành nguồn thu nhập chủ chốt của nông hộ khi có đến 31,95% tỷ trọng trong tổng thu nhập. Thu nhập LCAL trung bình khoảng 181,833 triệu đồng, trong đó thu nhập thấp nhất 35 triệu và cao nhất là 740 triệu đồng. Điều này cho thấy sự quan trọng ngày càng tăng của LCAL trong việc duy trì cuộc sống của gia đình. Bởi hoạt động này các thành viên trong

hộ dễ dàng tiếp cận hơn do ít cần tay nghề, không đòi hỏi trình độ và tạo thu nhập nhanh. Ngoài ra, việc tham gia vào các hoạt động LCAL còn giúp các thành viên trong hộ tiếp cận được nhiều cơ hội học hỏi, cải thiện kỹ năng và mở rộng mạng lưới quan hệ xã hội. Điều này không chỉ giúp tăng thu nhập mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện điều kiện sinh hoạt và tạo điều kiện cho con cái được học hành tốt hơn.

Nguồn thu nhập từ hoạt động buôn bán của nông hộ có giá trị trung bình là 79,588 triệu đồng và chiếm tỷ trọng 13,98% trong tổng thu nhập của gia đình. Mặc dù tỷ trọng này thấp hơn khoảng 2,25 lần so với thu nhập từ LCAL nhưng cũng cho thấy hoạt động buôn bán đóng một vai trò quan trọng trong nguồn thu nhập của hộ gia đình. Độ lệch chuẩn của nguồn thu nhập từ buôn bán là 33.160,70, cho thấy sự biến động trong mức thu nhập từ hoạt động này có thể khá lớn giữa các gia đình nông hộ. Giá trị nhỏ nhất và lớn nhất của nguồn thu nhập từ buôn bán lần lượt là 30 triệu và 140 triệu đồng, cho thấy phạm vi thu nhập từ hoạt động buôn bán cũng có sự đa dạng. Điều này chứng tỏ rằng buôn bán không chỉ đơn thuần là một nguồn thu nhập phụ mà còn là một phương thức kinh tế giúp các hộ gia đình nâng cao đời sống.

Nguồn thu nhập từ công việc làm CBVC (cán bộ viên chức) của nông hộ có giá trị trung bình là 115,867 triệu đồng và chiếm tỷ trọng 20,36% trong tổng thu nhập của gia đình. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của việc làm CBVC trong việc tạo nguồn thu nhập ổn định và đáng tin cậy cho gia đình nông hộ. Độ lệch chuẩn của nguồn thu nhập từ công việc CBVC là 54.785,12, cho thấy mức độ biến động trong thu nhập khá lớn giữa các gia đình nông hộ. Giá trị nhỏ nhất và lớn nhất của thu nhập từ công việc CBVC lần lượt là 30 triệu và 200 triệu, cho thấy phạm vi thu nhập từ công việc này giữa các hộ cũng có sự đa dạng. Một hộ có nhiều CBVC hơn sẽ tạo ra sự ổn định hơn về mặt thu nhập so với các hộ khác.

Có rất ít nguồn thu nhập khác, nhưng tỷ trọng lại chiếm 10,54% tổng thu nhập. Tuy là một phần nhỏ nhưng không thể bỏ qua của tổng thu nhập, và có thể đóng vai trò quan trọng trong việc bổ sung vào nguồn thu nhập chính của gia đình.

Bảng 4. 4. Các Nguồn Thu Nhập của Nông Hộ trong Năm 2023

ĐVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Giá trị trung bình	Tỷ trọng (%)	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Thu nhập từ NTTS	131.893,33	23,17	87.895,14	15.000	450.000
Thu nhập từ LCAL	181.833,33	31,95	140.009,08	35.000	740.000
Thu nhập từ buôn bán	79.588,24	13,98	33.160,70	30.000	140.000
Thu nhập từ CBVC	115.866,67	20,36	54.785,12	30.000	200.000
Thu nhập khác	60.000,00	10,54	-	60.000	60.000
Tổng thu nhập	261.186,67	100,00	165.142,42	50.000	1.090.000

Nguồn tin: Kết quả khảo sát, tháng 4/2024

4.2. Đánh giá mức độ đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

Từ kết quả khảo sát ở Bảng 4.5 cho thấy mức độ đa dạng hoạt động tạo ra thu nhập của nông hộ chưa cao khi chỉ số DDH bình quân chỉ chiếm khoảng 1,68. Trong năm 2023, nông hộ tham gia một hoạt động là chủ yếu và tối đa là bốn hoạt động tạo ra thu nhập trên một nông hộ. Cụ thể, chỉ số DDH bình quân của một hoạt động tạo ra thu nhập hộ gia đình là 1, của hai nguồn thu là 1,72 và của ba đến bốn nguồn thu là 2,73. Qua đó ta cũng có thể thấy những hộ có nhiều nguồn thu nhập thì chỉ số DDH cũng tăng theo và có mức thu nhập từ PNN cao hơn.

Tỷ trọng mức thu nhập bình quân từ hoạt động PNN chiếm gần 50% trong tổng thu nhập bình quân của tổng thể và lượng thu nhập từ PNN cũng tăng dần theo số hoạt động của hộ gia đình. Hộ có hai hoạt động sẽ có mức thu nhập bình quân khoảng 266 triệu đồng, trong đó thu nhập PNN chiếm 59,88% là gần 160 triệu đồng. Hộ có ba đến bốn hoạt động có mức thu nhập bình quân hơn 383 triệu đồng, thu nhập PNN bình quân của các hộ này chiếm đến 75,8% là 290,6 triệu đồng. Từ đó cho thấy hoạt động PNN đóng vai trò rất quan trọng và cần phải triển khai nhiều hơn trong quá trình DDHTN nhằm nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người dân.

Bên cạnh đó, số lượng thành viên và tỷ lệ người đang tham gia lao động trong hộ cũng là một trong những đóng góp quan trọng. Ta thấy, song song với số thành viên trong hộ càng nhiều mà tỷ lệ lao động trong số đó cao thì khả năng DDH nguồn thu nhập

càng cao, tổng thu nhập của nông hộ cũng sẽ được cải thiện hơn. Điều đó được thể hiện rõ ở những hộ có ba đến bốn hoạt động tạo ra thu nhập thì số thành viên trung bình trong hộ ở khoảng 4 người, tỷ lệ tham gia lao động bình quân chiếm hơn 87% và nguồn thu trung bình của những hộ này lên đến hơn 383 triệu đồng. Trong khi đó, hộ có một hoạt động với số thành viên trung bình là 3 người và tỷ lệ tham gia lao động bình quân chỉ 68,79%, thu được 180,3 triệu đồng trong năm 2023.

Ngoài ra, Bảng 4.5 còn cho ta thấy rằng hộ có thành viên di cư càng nhiều thì chỉ số DDH cũng sẽ càng tăng. Tỷ lệ di cư bình quân chiếm đến 41,33% so với tổng thể 75 hộ. Ở những hộ có hai và ba đến bốn hoạt động đều có 18,67% tỷ lệ thành viên di cư. Nhưng khi xét thêm đến số hộ ở các hoạt động trên, ta thấy số hộ ở hai hoạt động gấp khoảng 1,55 lần số hộ có ba đến bốn hoạt động. Do vậy, tỷ lệ di cư của các thành viên trong năm 2023 ở mức ba đến bốn hoạt động sẽ cao hơn. Trong thực tế, vẫn có một số ít hộ có thành viên di cư nhưng chỉ có một hoạt động trong nông nghiệp là tạo ra thu nhập như 3 hộ còn lại. Theo kết quả khảo sát, số thành viên này chính là sinh viên. Điều đó cho thấy thành viên di cư ngoài đóng góp một phần to lớn trong tổng thu nhập và DDHTN của nông hộ thì còn thúc đẩy mong muốn nâng cao thu nhập của các bậc phụ huynh, muốn cho con em mình một hậu phương vững trãi về kinh tế lẫn tinh thần hơn.

Bảng 4. 5. Mức Độ Đa Dạng Hóa Thu Nhập và Nguồn Lực của Nông Hộ trong Năm 2023

Số hoạt động	Số hộ	Số thành viên	Tỷ lệ lao động	Di cư	Tỷ lệ di cư	DDH	Thu nhập	Thu nhập PNN	
		(người)	(%)	(hộ)	(%)		(1.000 đồng)	(1.000 đồng)	(%)
1	29	3,31	68,79	3	4,00	1,00	180.344,83	0	0
2	28	4,57	70,24	14	18,67	1,72	266.357,14	159.500	59,88
3 - 4	18	4,39	87,47	14	18,67	2,73	383.388,89	290.611,11	75,80
Trung bình	75	4,04	73,82	31	41,33	1,68	261.186,67	129.293,33	49,50

Nguồn tin: Kết quả khảo sát, tháng 4/2024

4.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng DDHTN của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu, đề tài tiến hành phân tích bằng mô hình hồi quy Binary logistic và kiểm định mức độ giải thích, tính phù hợp của mô hình. Với biến phụ thuộc là biến nhị phân: nông hộ đa dạng hoá thu nhập (1) và nông hộ không đa dạng hoá thu nhập (0). Biến độc lập bao gồm: Giới tính chủ hộ, tuổi chủ hộ, trình độ học vấn, thời gian định cư, số thành viên trong hộ, diện tích đất canh tác, thành viên di cư, tín dụng, giá trị đất ở, ảnh hưởng dịch bệnh tôm/cua. Mô hình hồi quy Binary logistic được lựa chọn vì nó phù hợp với dạng dữ liệu nhị phân và cho phép xác định mối quan hệ giữa các biến độc lập và xác suất một nông hộ DDHTN. Mỗi biến độc lập được xem xét dựa trên lý thuyết và các nghiên cứu trước đây để đảm bảo tính hợp lý và khả năng giải thích của mô hình.

Theo kết quả mô hình hồi quy Binary logistic được trình bày ở Bảng 4.6, kiểm định Chi² của mô hình là 76,92 với Prob > chi² là 0,000 cho thấy các yếu tố trong mô hình đều có tác động đến khả năng DDHTN của nông hộ. Hệ số Pseudo R² bằng 0,7692, nghĩa là mô hình giải thích được khoảng 76,92% biến phụ thuộc bởi các biến độc lập trong mô hình. Điều này cho thấy mô hình phù hợp tốt với dữ liệu. Bên cạnh đó, giá trị Log likelihood của mô hình bằng -11,5834 cho thấy mức độ phù hợp của mô hình tổng thể với dữ liệu khá tốt.

Bảng 4. 6. Kết Quả Phân Tích Logit về Các Nhân Tố Ảnh Hưởng Đến Khả Năng Đa Dạng Hóa Thu Nhập của Nông Hộ

Biến số	Ký hiệu	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn	z	P-value
Hằng số		-24,497	8,000	-3,06	0,002
Giới tính chủ hộ	GIOITINH	-5,302*	3,011	-1,76	0,078
Tuổi chủ hộ	TUOI	-0,080	0,155	-0,51	0,607
Trình độ học vấn	HOCVAN	0,686*	0,351	1,95	0,051
Thời gian định cư	TGDC	0,295	0,186	1,59	0,113
Số thành viên trong hộ	THANHVIEEN	2,178**	0,999	2,18	0,029
Diện tích đất canh tác	DAT	-0,009	0,037	-0,25	0,803
Thành viên di cư	DICU	4,686**	1,910	2,45	0,014
Tín dụng	TINDUNG	3,078*	1,756	1,75	0,080
Giá trị đất ở	DATO	0,000	0,000	-0,69	0,492
Ảnh hưởng dịch bệnh tôm/cua	DICH	1,040***	0,343	3,04	0,002
Số quan sát		75			
Prob > chi2		0,0000			
Pseudo R2		0,7692			
Log likelihood		-11,5834			

Ghi chú: *, **, *** là các ký hiệu có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức tương ứng $\alpha = 10\%$, 5% và 1% .

Nguồn tin: Trích xuất Stata/MP 17.0, tháng 5/2024

Kết quả Bảng 4.7 cho thấy, như dự đoán có 45 nông hộ DDHTN và 30 hộ không DDHTN. Đáng ngạc nhiên là khi quan sát thực tế, có 46 nông hộ DDHTN và 29 nông hộ không DDHTN. Trong số 46 nông hộ DDHTN, có 43 hộ được dự đoán chính xác, đạt tỷ lệ dự đoán đúng là 93,48%. Tương tự, trong tổng số 29 nông hộ không DDHTN, có 27 hộ được dự đoán đúng, tỷ lệ chiếm 93,10%. Mức độ giải thích đúng của mô hình đạt độ chính xác cao với tỷ lệ giải thích đúng tổng thể là 93,33%. Điều này cho thấy mô hình có khả năng dự đoán chính xác cao đối với việc nông hộ DDHTN hay không DDHTN. Tuy nhiên, ta vẫn cần phải lưu ý một số sai số nhỏ để đảm bảo mô hình có thể áp dụng được trong cả thực tế.

Bảng 4. 7. Xác Định Mức Độ Giải Thích của Mô Hình

	Thực tế = 1	Thực tế = 0	Tổng
Dự báo = 1	43	2	45
Dự báo = 0	3	27	30
Tổng	46	29	75
Độ nhảy			93,48%
Độ đặc hiệu			93,10%
Giá trị thực tế = 1 trên dự báo = 1			95,56%
Giá trị thực tế = 0 trên dự báo = 0			90,00%
Sai số dự báo = 1 trên thực tế = 0			6,90%
Sai số dự báo = 0 trên thực tế = 1			6,52%
Sai số thực tế = 0 trên dự báo = 1			4,44%
Sai số thực tế = 1 trên dự báo = 0			10,00%
Tỷ lệ dự đoán đúng toàn thể			93,33%

Nguồn tin: Trích xuất Stata/MP 17.0, tháng 5/2024

Với giá trị Prob > chi2 = 0,6343 > 0,05 trong Bảng 4.8, chúng ta kết luận rằng mô hình này phù hợp với dữ liệu quan sát, không có sự khác biệt giữa giá trị thực tế và giá trị dự báo. Kết quả kiểm định này cùng với các kết quả độ nhảy và độ đặc hiệu cao từ Bảng 4.7, cho thấy mô hình logistic này không chỉ chính xác mà còn phù hợp tốt với dữ liệu khảo sát. Điều này tăng cường độ tin cậy của mô hình trong việc dự đoán việc DDHTN của nông hộ.

Bảng 4. 8. Kiểm Tra Tính Phù Hợp của Mô Hình

Số quan sát	75
Số lượng mẫu đồng biến	75
Kiểm định Chi2 của Pearson	59,55
Prob > chi2	0,6343

Nguồn tin: Trích xuất Stata/MP 17.0, tháng 5/2024

Để thấy rõ hơn những tác động của từng biến giải thích ảnh hưởng đến biến phụ thuộc, ta lần lượt xem xét tác động biên của các biến ở mức ý nghĩa khác nhau dưới 10% tại Bảng 4.9.

Bảng 4. 9. Tác Động Biên về Các Nhân Tố Ảnh Hưởng Đến Khả Năng Đa Dạng Hóa Thu Nhập của Nông Hộ

Biến số	Ký hiệu	Hệ số (dY/dX)	z	P-value
Giới tính chủ hộ	GIOITINH	-0,2393**	-1,97	0,048
Tuổi chủ hộ	TUOI	-0,0036	-0,52	0,602
Trình độ học vấn	HOCVAN	0,0310**	2,27	0,023
Thời gian định cư	TGDC	0,0133*	1,73	0,083
Số thành viên trong hộ	THANHVIEN	0,0983***	2,62	0,009
Diện tích đất canh tác	DAT	-0,0004	-0,25	0,804
Thành viên di cư	DICU	0,2115***	2,91	0,004
Tín dụng	TINDUNG	0,1389*	1,90	0,058
Giá trị đất ở	DATO	0,0000	-0,70	0,482
Ảnh hưởng dịch bệnh tôm/cua	DICH	0,0469***	4,91	0,000

Ghi chú: *, **, *** là các ký hiệu có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức tương ứng $\alpha = 10\%$, 5% và 1% .

Nguồn tin: Trích xuất Stata/MP 17.0, tháng 5/2024

Giới tính chủ hộ (GIOITINH): giới tính chủ hộ có mối quan hệ nghịch biến với khả năng DDHTN của nông hộ, hệ số được giải thích với mức ý nghĩa 5% . Nếu giới tính chủ hộ là nam thì khả năng nông hộ DDHTN sẽ thấp hơn. Điều này ngược với nghiên cứu của Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức (2016), giới tính chủ hộ là nam thì xu hướng DDHTN của nông hộ càng tăng. Bởi khi giới tính chủ hộ là nữ, nguồn thu nhập và hiệu suất trong NTTS sẽ không được đảm bảo bằng nam giới, các thành viên trong hộ sẽ có xu hướng tìm thêm nguồn thu để đảm bảo cân bằng với chi tiêu của hộ gia đình. Biến giới tính chủ hộ có tác động đến khả năng DDH của nông hộ, với hệ số $\alpha = 10\%$ và $\beta_1 = -5,302$ cho thấy mối tương quan nghịch giới tính chủ hộ với khả năng DDHTN của nông hộ. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi giới tính chủ hộ là nữ thì khả năng nông hộ DDHTN giảm $23,93\%$.

Trình độ học vấn (HOCVAN): trình độ học vấn của chủ hộ có mối quan hệ đồng biến với khả năng DDHTN của nông hộ, hệ số được giải thích với mức ý nghĩa 5% . Giáo dục luôn chiếm đóng một vị trí, vai trò quan trọng trong việc tăng năng suất ở mảng nông nghiệp và tăng việc làm PNN trong mỗi hộ gia đình. Học vấn chủ hộ càng cao thì khả năng DDHTN càng cao, vấn đề này phù hợp với nghiên cứu của Trần Tiến

Khai và Nguyễn Ngọc Danh (2014), Nguyễn Văn Dũng (2017). Tuy vậy, mức tăng khả năng DDH ở tại địa bàn nghiên cứu vẫn còn khá thấp. Biến trình độ học vẫn có tác động đến khả năng DDH của nông hộ, với hệ số $\alpha = 10\%$ và $\beta_2 = 0,686$ cho thấy mối tương quan thuận trình độ học vẫn chủ hộ với khả năng DDHTN của nông hộ. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi trình độ học vẫn tăng thêm 1 đơn vị thì khả năng nông hộ DDHTN tăng 3,1%.

Thời gian định cư (TGDC): mặc dù thời gian định cư trong mô hình logit không có ý nghĩa thống kê. Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy biến có mối quan hệ đồng biến với khả năng DDHTN của nông hộ, hệ số được giải thích với mức ý nghĩa 10%. Thời gian định cư của hộ gia đình tại nơi nghiên cứu phần lớn đều là những hộ sinh sống lâu đời hoặc qua nhiều thế hệ. Đi ngược lại với kết quả nghiên cứu của Khúc Văn Quý và cộng sự (2016), thời gian định cư nơi đây càng lâu thì xu hướng DDHTN của nông hộ lại tăng. Họ mong muốn các thành viên trong gia đình có nguồn thu nhập ổn định hơn là nổi nghiệp NTTS có phần bấp bênh bởi hầu như đều dựa vào tự nhiên. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi thời gian định cư tăng thêm 1 đơn vị thì khả năng nông hộ DDHTN tăng 1,33%.

Số thành viên trong hộ (THANHVIENT): Số thành viên trong hộ có mối quan hệ đồng biến với khả năng DDHTN của nông hộ, hệ số được giải thích với mức ý nghĩa 1%. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Tuấn (2017), Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức (2016). Khi số thành viên càng nhiều thì lao động trong sản xuất nông nghiệp sẽ dư thừa, dẫn đến tăng DDHTN từ hoạt động PNN. Biến số thành viên trong hộ có tác động đến khả năng DDH của nông hộ, với hệ số $\alpha = 5\%$ và $\beta_5 = 2,178$ cho thấy mối tương quan thuận giữa số thành viên trong hộ với khả năng DDHTN của nông hộ. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi số thành viên trong hộ tăng thêm 1 đơn vị thì khả năng nông hộ DDHTN tăng 9,83%.

Thành viên di cư (DICU): Thành viên di cư trong hộ có mối quan hệ cùng chiều với khả năng DDHTN của nông hộ, hệ số được giải thích với mức ý nghĩa 1%. Có thể thấy, số thành viên di cư trong nông hộ có tác động khá mạnh vào DDHTN, Huỳnh Trường Huy và cộng sự (2022) cũng đã có nói về trường hợp này. Số thành viên di cư này vừa là nguồn động lực cũng vừa đóng góp to lớn vào việc gia tăng thu nhập hộ gia đình. Biến số thành viên di cư có tác động đến khả năng DDH của nông hộ, với hệ số α

= 5% và $\beta_7 = 4,686$ cho thấy mối tương quan thuận giữa số thành viên di cư trong hộ với khả năng DDHTN của nông hộ. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi thành viên di cư tăng thêm 1 đơn vị thì khả năng nông hộ DDHTN tăng 21,15%.

Tín dụng (TINDUNG): Tín dụng có mối quan hệ cùng chiều với khả năng DDHTN của nông hộ, hệ số được giải thích với mức ý nghĩa 10%. Qua kết quả tác động biên, ta thấy được khi nguồn vốn tín dụng càng cao thì khả năng DDHTN của hộ cũng sẽ càng cao. Trong nghiên cứu của Trần Tiến Khai và Nguyễn Ngọc Danh (2014), nguồn vốn này dùng để đầu tư vào những hoạt động tạo ra thu nhập. Tuy nhiên, trên tình hình thực tế ở tại địa bàn nghiên cứu xã Lâm Hải, ngoài dùng số ít hộ dùng để đầu tư vào sản xuất nông nghiệp thì hầu hết đều dùng để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và tiêu dùng. Biến tín dụng có tác động đến khả năng DDH của nông hộ, với hệ số $\alpha = 10\%$ và $\beta_8 = 3,078$ cho thấy mối tương quan thuận giữa tín dụng với khả năng DDHTN của nông hộ. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi tín dụng tăng thêm 1 đơn vị thì khả năng nông hộ DDHTN tăng 13,89%.

Ảnh hưởng dịch bệnh tôm/cua (DICH): Ảnh hưởng dịch bệnh tôm/cua có mối quan hệ cùng chiều với khả năng DDHTN của nông hộ, hệ số được giải thích với mức ý nghĩa 1%. Dịch bệnh nông nghiệp là một trong những điều mà người nông dân luôn lo lắng khi tham gia vào sản xuất. Bởi vật chất, thời gian và tinh thần của họ đều đặt trong từng sản phẩm. Khi dịch bệnh xảy ra mà không tìm được biện pháp khắc phục phù hợp và nhanh chóng thì đồng nghĩa với việc thu nhập của họ đang suy giảm, chén cơm cũng dần vơi đi. Trong nghiên cứu này, ảnh hưởng của dịch bệnh tôm/cua ngày càng tăng thì cách nông hộ tự bảo vệ mình chính là DDHTN, điều này cũng phù hợp với nghiên cứu của Schwarze và Zeller (2005). Biến ảnh hưởng dịch bệnh tôm/cua có tác động đến khả năng DDH của nông hộ, với hệ số $\alpha = 1\%$ và $\beta_{10} = 1,040$ cho thấy mối tương quan thuận giữa ảnh hưởng dịch bệnh tôm/cua với khả năng DDHTN của nông hộ. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi ảnh hưởng dịch bệnh tôm/cua tăng thêm 1 đơn vị thì khả năng nông hộ DDHTN tăng 4,69%.

Tuy nhiên, các biến tuổi chủ hộ, diện tích đất canh tác và giá trị đất ở không có ý nghĩa về mặt thống kê trong nghiên cứu này. Có nghĩa là các nhân tố này không có tác động đối với khả năng DDHTN hay không DDHTN của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. Ta có thể hiểu rằng, tuổi chủ hộ có thể ảnh hưởng đến nhiều yếu tố khác như kinh

nghiệm, khả năng lao động nhưng không phải lúc nào cũng trực tiếp đến quyết định DDHTN. Bởi ở độ tuổi nào cũng có thể quyết định DDHTN và tùy theo tình hình kinh tế, nhu cầu của từng hộ. Bên cạnh đó, diện tích đất canh tác và giá trị đất ở cũng không phản ánh chính xác khả năng hay nhu cầu DDHTN của nông hộ. Thông qua khảo sát, có những hộ diện tích đất canh tác và giá trị đất ở khá cao nhưng dịch bệnh ở tôm/cua lại kéo dài dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng nguồn thu nhập và nhu cầu chi tiêu của họ. Hay cũng có nhiều trường hợp lực lượng lao động và số thành viên trong gia đình cũng chiếm phần nhiều, từ đó dư lực lượng lao động và các thành viên này sẽ có nhu cầu tìm thêm nguồn thu nhập cho bản thân. Vì thế, quyết định DDHTN của họ cũng sẽ dễ dàng xuất hiện.

4.4. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

Nghiên cứu cho thấy mức độ DDHTN của nông hộ tại xã Lâm Hải còn chưa cao. Tuy nhiên, DDH nguồn thu từ các hoạt động PNN đã làm cho tổng nguồn thu nhập tăng cao, giảm thiểu rủi ro từ NTTS, từ đó giúp cải thiện đời sống người dân. Vì vậy, người dân cần DDH nguồn thu nhập của mình, có thể từ các hoạt động PNN hoặc nông nghiệp. Khuyến khích các hoạt động khởi nghiệp, phát triển dịch vụ du lịch, kinh doanh, DDH các loại hải sản và áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nuôi trồng,... là một trong những hoạt động cần được quan tâm.

Nâng cao trình độ đối với lao động di cư là một trong những yếu tố cần được chú trọng. Việc thành viên di cư là một trong những hoạt động quan trọng thúc đẩy mạnh mẽ sự DDHTN cũng như tổng thu nhập của mỗi hộ gia đình. Điều này không chỉ giúp lao động di cư có khả năng tiếp cận với các công việc có thu nhập cao hơn mà còn đóng góp vào việc chuyển giao kiến thức và kỹ năng mới cho cộng đồng nơi họ trở về. Các chương trình đào tạo nghề, nâng cao kỹ năng, và giáo dục liên tục là cần thiết để lao động di cư có thể phát triển bản thân và đóng góp tích cực hơn cho gia đình và xã hội. Bên cạnh đó, việc tạo điều kiện thuận lợi cho lao động di cư thông qua các chính sách hỗ trợ về nhà ở, y tế, và an sinh xã hội cũng cần được quan tâm. Hỗ trợ pháp lý và đảm bảo quyền lợi của lao động di cư cũng là yếu tố quan trọng để họ yên tâm làm việc và ổn định cuộc sống. Sự hợp tác giữa các cơ quan chính quyền, tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp trong việc đào tạo và hỗ trợ lao động di cư sẽ tạo ra một môi trường thuận

lợi, giúp họ nâng cao chất lượng cuộc sống và đóng góp nhiều hơn vào nền kinh tế địa phương. Qua đó, không chỉ tăng cường sự đa dạng hóa thu nhập cho mỗi hộ gia đình mà còn góp phần phát triển kinh tế bền vững cho cộng đồng.

Hỗ trợ tín dụng cho nông hộ, cung cấp các gói vay vốn ưu đãi và hỗ trợ tài chính để người dân có thể đầu tư vào các hoạt động kinh doanh mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất hiện tại. Đồng thời, cần có các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng để người dân yên tâm vay vốn. Ngoài ra, cần thiết lập các quỹ bảo hiểm nông nghiệp và các chương trình bảo lãnh tín dụng để giảm thiểu rủi ro tài chính cho nông dân. Việc này sẽ giúp họ tự tin hơn trong việc vay vốn và đầu tư vào các hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương có thể tổ chức các chương trình tư vấn và đào tạo về quản lý tài chính cho nông dân, giúp họ nắm vững các kỹ năng quản lý nguồn vốn và tối ưu hóa lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Điều này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay mà còn góp phần phát triển kinh tế bền vững cho cộng đồng nông thôn. Việc tạo ra một môi trường tài chính thuận lợi và ổn định sẽ là nền tảng vững chắc giúp nông dân xã Lâm Hải phát triển kinh tế, đa dạng hóa thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Tăng cường kiểm soát dịch bệnh trên tôm/cua là một trong những yếu tố giúp đảm bảo nguồn thu nhập chính là NTTS của các nông hộ tại xã Lâm Hải. Xây dựng nguồn nhân lực giám sát dịch bệnh, kiểm tra nguồn nước thường xuyên để phát hiện và xử lý kịp thời các dấu hiệu bệnh dịch trên tôm/cua. Tổ chức các khóa hội thảo và đào tạo cho nông dân về cách phòng ngừa dịch bệnh. Đảm bảo cung cấp cho nông hộ các giống tôm/cua chất lượng cao, đã được kiểm định và không mang mầm bệnh. Việc này giúp giảm nguy cơ dịch bệnh từ khâu đầu vào.

CHƯƠNG 5

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Qua kết quả khảo sát trực tiếp bằng phiếu phỏng vấn và phân tích thông tin từ 75 nông hộ trên địa bàn xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau cho thấy sự phân bổ các hoạt động tạo ra nguồn thu nhập không đồng đều. Tỷ trọng từ hoạt động LCAL chiếm cao nhất trong tổng thu nhập là 31,95%, theo sau đó là nguồn thu nhập chính từ NTTS chiếm 23,17%. Hoạt động từ công việc CBVC chiếm 20,36%, tiếp theo là từ buôn bán và một số nguồn thu nhập hiếm hoi khác.

Kết quả thống kê cho thấy mức độ DDHTN của các nông hộ còn thấp, chỉ số DDH bình quân của tổng thể chỉ đạt 1,68. Kết quả cũng cho thấy rằng số lượng thành viên tham gia vào các hoạt động PNN càng nhiều thì mức độ DDHTN càng cao, và thu nhập của hộ theo đó cũng tăng lên. Bên cạnh đó, tỷ lệ lao động và tỷ lệ di cư cũng tăng theo chỉ số DDH. Vì nguồn lao động càng dồi dào thì khả năng DDHTN của nông hộ càng cao. Thu nhập từ các hoạt động PNN chủ yếu là đến từ LCAL, CBVC và buôn bán, chiếm 49,5% tổng thu nhập của hộ. Trong đó, thu nhập bình quân cao nhất từ LCAN chiếm tỷ trọng 31,95% và từ CBVC chiếm 20,36%.

Bằng mô hình hồi quy Binary Logistic, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến DDHTN nông hộ ở địa bàn xã Lâm Hải, huyện Năm Căn là: giới tính chủ hộ, trình độ học vấn, thời gian định cư, số thành viên trong hộ, thành viên di cư, tín dụng và ảnh hưởng dịch bệnh tôm/cua. Trong đó, có giới tính chủ hộ, thành viên di cư và tín dụng là có tác động mạnh đến khả năng DDHTN của nông hộ. Tuy nhiên, các nhân tố được kỳ vọng là biến tuổi chủ hộ, diện tích đất canh tác, giá trị đất ở đã không có ý nghĩa thống kê. Trên thực tế, tuổi chủ hộ, diện tích đất canh tác và giá trị đất ở không ảnh hưởng đến DDHTN là hợp lý. Nếu xét về tuổi chủ hộ thì ở độ tuổi nào khả năng DDH nguồn thu cũng sẽ cao và tùy theo kinh tế, nhu cầu của từng hộ gia đình. Còn nếu xét đến diện tích đất canh tác cao mà lực lượng lao động và số thành viên trong gia

cũng chiếm phần nhiều, từ đó dư lực lượng lao động và các thành viên này sẽ có nhu cầu tìm thêm nguồn thu nhập cho bản thân. Đất đai ở địa phương này hầu như được truyền qua nhiều thế hệ, diện tích và giá trị đất ở cũng khá bé nên không ảnh hưởng đến khả năng DDHTN của nông hộ.

Từ đó, để nâng cao thu nhập và khả năng DDHTN của nông hộ, tác giả đã đề ra một số giải pháp như: khuyến khích các hoạt động kinh doanh, khởi nghiệp; áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất; nâng cao trình độ đối với lao động di cư; thực hiện các chính sách hỗ trợ về nhà ở, y tế, an sinh xã hội cho lao động di cư; hỗ trợ tín dụng cho nông hộ và tăng cường kiểm soát dịch bệnh trên tôm/cua.

5.2. Kiến nghị

5.2.1. Đối với nông hộ

Áp dụng khoa học kỹ thuật như nuôi tôm quảng canh cải tiến để giúp tiết kiệm chi phí vận hành và quản lý, giảm chi phí thức ăn, nâng cao chất lượng tôm, hạn chế bệnh dịch mà vẫn duy trì được nguồn thu từ các loại hải sản khác, thân thiện với môi trường và hệ sinh thái. Bên cạnh đó, các nông hộ cần liên kết và hợp tác với nhau trong sản xuất NTTS, chẳng hạn như tham gia hợp tác xã để cùng chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức và hỗ trợ nhau cùng tăng thu nhập. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để tìm được nguồn đầu vào có giá thành rẻ, chất lượng và ổn định.

Chủ động tìm hiểu và tham gia các chương trình hỗ trợ từ nhà nước và các doanh nghiệp. Tham gia các buổi tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng chuyên môn trong cả nông nghiệp lẫn PNN. Ngoài ra, việc tạo mối liên kết với các doanh nghiệp để ổn định đầu ra và đảm bảo được giá cả hợp lý cũng rất quan trọng. Việc đầu tư vào giáo dục và đào tạo cho thế hệ trẻ cũng là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển bền vững của cộng đồng nông thôn. Thế hệ trẻ cần được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để có thể tiếp nối và phát triển các hoạt động kinh tế của gia đình, đồng thời góp phần xây dựng cộng đồng nông thôn hiện đại và thịnh vượng hơn.

Để hạn chế tác động tiêu cực từ rủi ro sản xuất nông nghiệp bởi thời tiết, khí hậu, dịch bệnh, các hộ nông dân cần DDH nguồn thu nhập của mình. Tham gia các hoạt động PNN như buôn bán, dịch vụ, LCAL hoặc DDH trong lĩnh vực nông nghiệp bằng cách phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi thêm sò huyết, hào, ghẹ,... Tham gia các chương trình bảo hiểm nông nghiệp cũng là một biện pháp quan trọng để giảm thiểu rủi

ro tài chính. Bảo hiểm nông nghiệp giúp nông dân bảo vệ nguồn thu nhập của mình trước các biến động không lường trước được như thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu.

5.2.2. Đối với chính quyền địa phương

Thứ nhất, chính quyền địa phương cần hỗ trợ đẩy mạnh công tác khuyến khích mở lớp dạy nghề của các trung tâm, doanh nghiệp và học nghề của người dân. Giáo dục luôn là một trong những yếu tố then chốt để phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân. Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức, xóa đói giảm nghèo, đồng thời thúc đẩy sự sáng tạo và khởi nghiệp. Vì vậy, chính quyền địa phương cần phát triển thêm các chính sách hỗ trợ giáo dục và đào tạo cho người dân, tạo điều kiện để các lớp học nghề này được tổ chức thường xuyên và đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của thị trường lao động. Thực hiện chính sách khuyến khích người dân học nghề, định hướng nghề nghiệp và chỉ ra cơ hội việc làm của từng ngành theo nhu cầu thị trường lao động. Bên cạnh đó, cần liên kết với các doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nghề, thực tập và tuyển dụng ngay tại địa phương. Đồng thời, cần có các chính sách hỗ trợ về chi phí học nghề, đảm bảo mọi người dân, đặc biệt là các hộ nghèo và cận nghèo, có thể tiếp cận được các chương trình đào tạo nghề.

Thứ hai, đầu tư vào hệ thống giao thông cầu đường để thuận tiện cho việc trẻ em đến trường, giảm tỷ lệ bỏ học là một ưu tiên cấp bách của chính quyền địa phương. Việc xây dựng và bảo dưỡng đường an toàn và tiện lợi không chỉ giúp giảm thiểu nguy cơ tai nạn giao thông mà còn tạo điều kiện tối ưu cho học sinh và phụ huynh khi di chuyển hàng ngày. Đồng thời, cải thiện hạ tầng giao thông còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực. Đường sá tốt hơn sẽ giúp việc vận chuyển thủy sản và hàng hóa trở nên dễ dàng hơn, giảm chi phí vận chuyển và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường. Điều này sẽ khuyến khích sự phát triển của các hoạt động kinh doanh địa phương và tạo thêm cơ hội việc làm cho người dân.

Thứ ba, việc đưa các chính sách tín dụng ưu đãi đến với người dân là một phương tiện hiệu quả để thúc đẩy sự phát triển kinh tế và tạo điều kiện thuận lợi cho việc vay vốn và đầu tư. Việc áp dụng các chính sách tín dụng ưu đãi có thể bao gồm mức lãi suất ưu đãi, khoản vay linh hoạt và thủ tục đơn giản hóa, giúp người dân dễ dàng truy cập

vào các nguồn tài chính cần thiết để thực hiện các dự án kinh doanh hoặc cá nhân. Việc này đặc biệt quan trọng đối với các hộ nông dân và doanh nghiệp nhỏ, những người thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn từ các ngân hàng thương mại do yêu cầu về tài sản thế chấp và quy trình phê duyệt phức tạp. Chính sách tín dụng ưu đãi sẽ giúp họ có thêm động lực để đầu tư vào sản xuất, mở rộng kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm, từ đó tăng thu nhập và cải thiện đời sống. Bên cạnh đó, việc khuyến khích tiết kiệm và đầu tư dài hạn, tạo điều kiện cho người dân xây dựng các quỹ dự phòng tài chính để đối phó với rủi ro cũng là một trong những chương trình cần được phát triển. Các chương trình này nên đi kèm với các khóa đào tạo và tư vấn tài chính nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng quản lý tài chính cho người dân.

Thứ tư, cung cấp kiến thức và kinh nghiệm trong các loại hình dịch vụ về cung cấp giống tôm, cua, thuốc, thức ăn, máy móc NTTS... Chính quyền địa phương cần hợp tác với các chuyên gia, viện nghiên cứu và các cơ sở giáo dục để tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, bao gồm cách chọn giống, quản lý môi trường nước, phòng chống dịch bệnh và sử dụng hiệu quả các loại thức ăn và thuốc. Ngoài ra, việc cung cấp các tài liệu hướng dẫn, video hướng dẫn và tư vấn trực tiếp từ các chuyên gia sẽ giúp người dân dễ dàng nắm bắt và áp dụng kiến thức mới vào thực tiễn. Tạo ra các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm và tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị để người dân có thể học hỏi lẫn nhau và cập nhật những tiến bộ mới trong lĩnh vực NTTS cũng rất quan trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

- Trần Tiến Khai & Nguyễn Ngọc Danh, 2014. Những yếu tố quyết định đa dạng hóa thu nhập và ảnh hưởng đối với thu nhập hộ gia đình nông thôn Việt Nam. *Tạp chí Phát triển Kinh tế* 284: 22-43.
- Khúc Văn Quý và cộng sự (2016). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới sự đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình tại vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Hạ, Cà Mau. *Tạp chí Nông nghiệp và PTNT*, Tháng 01/2016.
- Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức (2016). Những nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến* 4: 3.
- Nguyễn Thanh Tuấn, 2017. *Đa dạng hóa thu nhập hộ gia đình nông thôn ở Đồng bằng Sông Cửu Long và phân tích trường hợp tỉnh Kiên Giang năm 2014*. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh Tế TP HCM.
- Nguyễn Văn Dũng, 2017. *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và khả năng đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang năm 2016 – 2017*. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh Tế TP HCM.
- Phạm Tiến Thành và Phạm Bảo Dương, 2019. Đa dạng hóa thu nhập và việc áp dụng giống lúa cải tiến trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển* 273: 22-32.
- Huỳnh Trường Huy & cộng sự, 2022. Di cư lao động có đóng góp đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình? Trường hợp của Đồng bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển* 298: 92-100.
- Lê Thị Nghệ và Ctv, 2006. *Phân tích thu nhập của hộ nông dân do thay đổi hệ thống canh tác ở Đồng bằng sông Hồng*. Đề tài nghiên cứu, Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, Viện VASI, Sở Nông nghiệp và PTNT, 106 trang.
- Sở Nông nghiệp và PTNT, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024. <URL:<https://nongnghiepcamau.vn/linh-vuc-thuy-san/bao-cao-cho-lanh-dao>>.
- Trần Thuật và Quốc Sáng, 2023. “HĐND huyện Năm Căn: Thành công kỳ họp cuối năm 2023”, *UBND Huyện Năm Căn*, <URL:<https://namcan.camau.gov.vn/wps/portal/?1dmy&page=nc.chitiet&urilc=wcm%3apath%3a/huyennamcanlibrary/siteofnamcan/tintucsukien/thoisuchinhtri/thuc+hien+dat>>, 15/3/2024.

Thái Công Tụng, 2020. “Thủy triều và con người”, *Hung Việt VHR* <URL:https://hungviet-vhr.org/2020/11/26/thuy-trieu-va-con-nguoi/>, 15/3/2024.

UBND xã Lâm Hải, 2024. *Báo cáo tổng kết xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025 UBND xã Lâm Hải*.

Tổng cục thống kê, 2024. “Tình hình thị trường lao động Việt Nam năm 2023”, <URL:https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/01/tinh-hinh-thi-truong-lao-dong-viet-nam-nam-2023/>, 17/3/2024.

Vũ Thị Thanh Thủy, 2022. “Phương pháp lập bảng hỏi và xác định cỡ mẫu trong điều tra xã hội học”, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, <URL:http://frm.tuaf.edu.vn/bai-viet/phuong-phap-lap-bang-hoi-va-xac-dinh-co-mau-trong-dieu-tra-xa-hoi-hoc-14846.html>, 4/4/2024.

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, 2023. “Lâm Hải”, <URL:https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A2m_H%E1%BA%A3i>, 19/3/2024.

Google maps, <URL:https://www.google.com/maps/>, 19/3/2024.

TIẾNG NƯỚC NGOÀI

Schwarze, S., & Zeller, M., 2005. Income diversification of rural households in Central Sulawesi, Indonesia. *Quarterly Journal of International Agriculture*, 44(1), 61 - 74.

Sarah Aloba & Celine Bignebat. 2017. Patterns and determinants of household income diversification in rural Senegal and Kenya. *Journal of Poverty Alleviation and International Development*, 8 (1), 93 - 126.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Bảng câu hỏi khảo sát

ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ
MINH

KHOA KINH TẾ



PHIẾU PHỎNG VẤN

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TẠI XÃ LÂM HẢI, HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

Mã số phiếu:.....

THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Tên người được phỏng vấn:

1.2. Họ và tên của chủ hộ:.....

1.3. Giới tính chủ hộ: Nam Nữ

1.4. Dân tộc: (1: Kinh, 2: Khác *ghi rõ*)

1.5. Tuổi chủ hộ:..... (tuổi)

1.6. Trình độ học vấn chủ hộ:(năm)

1.7. Thời gian định cư của ông/bà:(năm)

THÔNG TIN VỀ NGUỒN NHÂN LỰC VÀ THU NHẬP

2.1 Tổng số người trong hộ:..... (người)

Trong đó:

2.1.1. Số người dưới tuổi lao động (15 tuổi)(người)

2.1.2. Số người trên tuổi lao động (60 tuổi)(người)

2.1.3. Số người trong tuổi lao động (15-60 tuổi)(người)

2.2. Thông tin và thu nhập của thành viên trong hộ:

(Giới tính: Nữ-0; Nam-1

Học vấn: 1. Không biết chữ;

2. Tiểu học;

3. Trung học cơ sở;

4. Trung học phổ thông; 5. Cao đẳng, đại học ; 6. Khác (ghi rõ)

Nơi làm việc: 0. Địa phương; 1. Nơi khác (ghi rõ)

Công việc: 1. LĐ trong trồng trọt; 2. LĐ trong nuôi trồng thủy sản; 3. Làm thuê/Làm công ăn lương; 4. Buôn bán/Dịch vụ; 5. Cán bộ viên chức; 6. Khác (ghi rõ))

Số LĐ thứ	Tuổi	Giới tính	Học vấn	Nơi làm việc	Công việc	Mức thu nhập/năm (1000đ)	
						Trong Nông nghiệp	Phi Nông nghiệp
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							

THÔNG TIN VỀ ĐẤT ĐAI VÀ SẢN XUẤT

3.1 Tổng diện tích đất ông/bà đang sử dụng/canh tác là bao nhiêu?..... (m²).

Trong đó:

Mục đích sử dụng	Diện tích? (m ²)
3.1. Đất ở	
3.2. Đất trồng trọt	
3.3. Đất mặt nước nuôi thủy sản	
3.4. Diện tích rừng trong vùng	
3.5. Khác.....	

3.5. Giá trị đất ở hiện nay của ông/bà ước tính là (1000đ).

3.6. Chi phí sản xuất mua ngoài của ông/bà năm 2023 là (1000đ).

3.7. Mức tiêu dùng của hộ trong năm 2023 là (1000đ).

THÔNG TIN VỀ TIẾT KIỆM VÀ TÍN DỤNG

4.1. Hộ gia đình ông/bà hiện đang có vay vốn để đầu tư sản xuất hoặc tiêu dùng không?

Có (trả lời tiếp câu 4.2)

Không (chuyển sang câu 4.3)

4.2. Vào thời điểm hiện tại, gia đình ông/bà có đang tiết kiệm hoặc đầu tư vào hình thức nào trong các hình thức sau:

Gửi tiết kiệm ngân hàng

Cho vay/mượn

Mua vàng cất trữ

Đầu tư nhà/đất

Đầu tư chứng khoán

Khác.....

4.3. Cân đối giữa tiền vay và tiết kiệm, tình hình cán cân tài chính gia đình ông/bà như thế nào?

Tiền vay nhiều hơn tiền tiết kiệm

Tiền vay tương đương tiền tiết kiệm

Tiền vay ít hơn tiền tiết kiệm

THÔNG TIN VỀ ĐỊA PHƯƠNG

5.1. Nguồn thu nhập ông/bà có đang bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh tôm/cua?

Có

Không

5.2. Thời gian xảy ra dịch bệnh trong năm 2023: (tháng/năm)

5.3. Ông/bà thấy mức độ thiệt hại của dịch bệnh làm giảm bao nhiêu % doanh thu so với lúc không xảy ra dịch bệnh.

5.4. Sự suy giảm thu nhập từ dịch bệnh là một nguyên nhân làm cho ông/bà đa dạng hóa nguồn thu nhập của gia đình mình? Có Không

Xin chân thành cảm ơn ông/bà.

Phụ lục 2. Danh sách các hộ được khảo sát

MSP	Họ và tên của chủ hộ	Giới tính chủ hộ	Dân tộc	Tuổi chủ hộ	Trình độ học vấn chủ hộ
1	Trần Văn Giang	1	1	49	9
2	Tiêu Văn Chánh	1	1	43	9
3	Nguyễn Phúc Vân	1	1	58	5
4	Bào Thị Nhớ	0	1	65	7
5	Phạm Thị Mười	0	1	54	5
6	Mai Anh Tuấn	1	1	55	10
7	Bào Thành Lai	1	1	44	7
8	Đỗ Văn Mười	1	1	40	6
9	Tạ Minh Vũ	1	1	45	8
10	Tô Ánh Hồng	0	1	36	12
11	Tô Thanh Nhiệm	1	1	39	12
12	Nguyễn Ánh Bình	1	1	67	12
13	Cao Trung Thủy	1	1	52	9
14	Nguyễn Bình Đăng	1	1	52	7
15	Ngô Văn Hận	1	1	42	10
16	Nguyễn Tấn Đạt	1	1	60	10
17	Nguyễn Văn Sáu	1	1	63	9
18	Dương Minh Đương	1	1	41	9
19	Phạm Văn Lượng	1	1	66	7
20	Phan Long	1	1	26	9
21	Huỳnh Văn Rạn	1	1	53	11
22	Lê Văn Hậu	1	1	55	5
23	Nguyễn Xuân Tường	1	1	38	16
24	Nguyễn Văn Em	1	1	55	7
25	Hồ Hoàn Vũ	1	1	57	12
26	Nguyễn Chí Thuần	1	1	53	16
27	Nguyễn Huỳnh	1	1	32	9
28	Văn Tân	1	1	45	11
29	Trần Tuấn Kiệt	1	1	47	9
30	Hồ Hoàn Lơ	1	1	65	10
31	Huỳnh Mạnh	1	1	52	9
32	Nguyễn Xuân Mai	0	1	50	7
33	Lê Việt Triều	1	1	42	10
34	Trần Văn Hiếu	1	1	55	9
35	Trần Minh Nghiêm	1	1	41	8
36	Nguyễn Văn Phong	1	1	54	16
37	Phạm Thị Thanh	0	1	69	7

38	Hồ Văn Nghĩa	1	1	76	7
39	Lê Minh Trung	1	1	48	12
40	Phan Văn Hồng	1	1	74	5
41	Tạ Văn Dũng	1	1	43	6
42	Đỗ Tiến Đạt	1	1	50	6
43	Nguyễn Thanh Tùng	1	1	61	5
44	Phạm Văn Sáu	1	1	66	6
45	Nguyễn Thị Chiền	0	1	54	8
46	Đỗ Xuân Thủy	1	1	49	12
47	Nguyễn Văn Mộng	1	1	43	9
48	Đình Thị Huê	0	1	58	7
49	Nguyễn Thị Màng	0	1	52	7
50	Lê Thị Đào	0	1	42	9
51	Lê Đình Kháng	1	1	64	9
52	Nguyễn Văn Hùng	1	1	69	7
53	Không Thị Minh	0	1	69	7
54	Ngô Quốc Phục	1	1	79	9
55	Tô Văn Duyên	1	1	55	9
56	Trần Văn Giang	1	1	50	9
57	Lê Văn Thăng	1	1	62	9
58	Võ Văn Đoàn	1	1	46	9
59	Nguyễn Minh Tươi	1	1	49	10
60	Tô Minh Đám	1	1	44	7
61	Nguyễn Trần Nỗ	1	1	55	8
62	Phan Trung Hậu	1	1	39	12
63	Hà Thanh Pha	1	1	42	12
64	Phan Văn Chuẩn	1	1	40	12
65	Đoái Phước Thọ	1	1	70	6
66	Nguyễn Thanh Thiên	1	1	51	10
67	Nguyễn Văn Nhân	1	1	66	5
68	Trần Thị Diễm	0	1	39	6
69	Châu Minh Phụng	1	1	52	9
70	Tô Minh Chạy	1	1	57	11
71	Nghiêm Hải Thuân	1	1	33	12
72	Ngô Minh Đương	1	1	46	12
73	Nguyễn Thị Vân	0	1	57	9
74	Phan Hoàng Sang	1	1	42	3
75	Nguyễn Kiều Nương	0	1	42	3

Phụ lục 3. Kết xuất thống kê mô tả, mô hình Binary Logistic và kiểm định

3.1. Kết xuất thống kê mô tả

Tuổi chủ hộ		Trình độ học vấn chủ hộ		Thời gian định cư	
Mean	51,92	Mean	8,77	Mean	49,84
Standard Error	1,27	Standard Error	0,31	Standard Error	1,32
Median	52	Median	9	Median	50
Mode	55	Mode	9	Mode	55
Standard Deviation	11,03	Standard Deviation	2,70	Standard Deviation	11,47
Sample Variance	121,67	Sample Variance	7,29	Sample Variance	131,46
Kurtosis	-0,30	Kurtosis	0,57	Kurtosis	-0,04
Skewness	0,27	Skewness	0,45	Skewness	0,24
Range	53	Range	13	Range	54
Minimum	26	Minimum	3	Minimum	25
Maximum	79	Maximum	16	Maximum	79
Sum	3894	Sum	658	Sum	3738
Count	75	Count	75	Count	75

Nhân khẩu		Tỷ lệ lao động		Tổng Diện tích đất	
Mean	4,04	Mean	73,82	Mean	45,57
Standard Error	0,15	Standard Error	2,74	Standard Error	2,53
Median	4	Median	75	Median	39
Mode	4	Mode	100	Mode	30
Standard Deviation	1,28	Standard Deviation	23,71	Standard Deviation	21,91
Sample Variance	1,63	Sample Variance	562,12	Sample Variance	479,84
Kurtosis	0,59	Kurtosis	-1,36	Kurtosis	3,26
Skewness	0,28	Skewness	-0,22	Skewness	1,72
Range	6	Range	71,43	Range	115
Minimum	1	Minimum	28,57	Minimum	15
Maximum	7	Maximum	100,00	Maximum	130
Sum	303	Sum	5536,19	Sum	3417,59
Count	75	Count	75	Count	75

Tổng Thu nhập		Tổng Chi tiêu		Tổng thu nhập PNN	
Mean	261186,67	Mean	138264,45	Mean	129293,33
Standard Error	19069,00	Standard Error	8208,53	Standard Error	18097,22
Median	208000	Median	118560	Median	96000
Mode	150000	Mode	#N/A	Mode	0
Standard Deviation	165142,42	Standard Deviation	71087,95	Standard Deviation	156726,55
Sample Variance	27272018739	Sample Variance	5053496290	Sample Variance	24563210090
Kurtosis	7,64	Kurtosis	8,01	Kurtosis	2,60
Skewness	2,19	Skewness	2,08	Skewness	1,53
Range	1040000	Range	449169	Range	740000
Minimum	50000	Minimum	53270	Minimum	0
Maximum	1090000	Maximum	502439	Maximum	740000
Sum	19589000	Sum	10369834	Sum	9697000
Count	75	Count	75	Count	75

Tổng TN nuôi TS		Tổng TN Làm thuê	
Mean	131893,33	Mean	181833,33
Standard Error	10149,26	Standard Error	23334,85
Median	100000	Median	129000
Mode	100000	Mode	108000
Standard Deviation	87895,14	Standard Deviation	140009,08
Sample Variance	7725556036	Sample Variance	19602542857
Kurtosis	1,48	Kurtosis	6,54
Skewness	1,18	Skewness	2,25
Range	435000	Range	705000
Minimum	15000	Minimum	35000
Maximum	450000	Maximum	740000
Sum	9892000	Sum	6546000
Count	75	Count	36

Tổng TN Buôn bán		Tổng TN CBVC		Tổng TN Khác	
Mean	79588,24	Mean	115866,67	Mean	60000
Standard Error	8042,65	Standard Error	14145,46	Standard Error	0
Median	85000	Median	110000	Median	60000
Mode	50000	Mode	60000	Mode	#N/A
Standard Deviation	33160,70	Standard Deviation	54785,12	Standard Deviation	#DIV/0!
Sample Variance	1099632353	Sample Variance	3001409524	Sample Variance	#DIV/0!
Kurtosis	-1,01	Kurtosis	-1,11	Kurtosis	#DIV/0!
Skewness	0,02	Skewness	0,18	Skewness	#DIV/0!
Range	110000	Range	170000	Range	0
Minimum	30000	Minimum	30000	Minimum	60000
Maximum	140000	Maximum	200000	Maximum	60000
Sum	1353000	Sum	1738000	Sum	60000
Count	17	Count	15	Count	1

3.2. Kết quả mô hình Binary Logistic và kiểm định về các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng đa dạng hóa thu nhập của nông hộ.

```
. logit DDH GIOITINH TUOI HOCVAN TGDC THANHVIEN DAT DICU TINDUNG DATO DICH
```

```
Iteration 0: log likelihood = -50.042525
Iteration 1: log likelihood = -22.17865
Iteration 2: log likelihood = -14.515225
Iteration 3: log likelihood = -11.693562
Iteration 4: log likelihood = -11.584365
Iteration 5: log likelihood = -11.583414
Iteration 6: log likelihood = -11.583414
```

Logistic regression

```
Number of obs = 75
LR chi2(10) = 76.92
Prob > chi2 = 0.0000
Pseudo R2 = 0.7685
```

Log likelihood = -11.583414

DDH	Coefficient	Std. err.	z	P> z	[95% conf. interval]	
GIOITINH	-5.301528	3.011089	-1.76	0.078	-11.20315	.6000971
TUOI	-.0798394	.1550488	-0.51	0.607	-.3837294	.2240506
HOCVAN	.6857767	.3510824	1.95	0.051	-.0023322	1.373886
TGDC	.2951529	.1860128	1.59	0.113	-.0694255	.6597313
THANHVIEN	2.177952	.9994244	2.18	0.029	.2191164	4.136788
DAT	-.0093479	.0374137	-0.25	0.803	-.0826774	.0639817
DICU	4.686251	1.910278	2.45	0.014	.9421753	8.430327
TINDUNG	3.078239	1.755987	1.75	0.080	-.3634329	6.519911
DATO	-.0001322	.0001923	-0.69	0.492	-.0005092	.0002448
DICH	1.040085	.3425011	3.04	0.002	.3687952	1.711375
_cons	-24.49718	8.000262	-3.06	0.002	-40.1774	-8.816952

Note: 0 failures and 9 successes completely determined.

. margins, dydx(*)

Average marginal effects
Model VCE: OIM

Number of obs = 75

Expression: Pr(DDH), predict()

dy/dx wrt: GIOITINH TUOI HOCVAN TGDC THANHVIEN DAT DICU TINDUNG DATO DICH

	Delta-method				[95% conf. interval]	
	dy/dx	std. err.	z	P> z		
GIOITINH	-.2392943	.1212121	-1.97	0.048	-.4768656	-.001723
TUOI	-.0036037	.0069114	-0.52	0.602	-.0171498	.0099424
HOCVAN	.0309538	.0136396	2.27	0.023	.0042207	.0576869
TGDC	.0133223	.0076904	1.73	0.083	-.0017507	.0283953
THANHVIEN	.0983059	.0375058	2.62	0.009	.024796	.1718158
DAT	-.0004219	.0016964	-0.25	0.804	-.0037468	.0029029
DICU	.2115226	.0726857	2.91	0.004	.0690613	.353984
TINDUNG	.138942	.0732038	1.90	0.058	-.0045347	.2824188
DATO	-5.97e-06	8.49e-06	-0.70	0.482	-.0000226	.0000107
DICH	.0469462	.009579	4.90	0.000	.0281716	.0657207

. estat class

Logistic model for DDH

Classified	True		Total
	D	~D	
+	43	2	45
-	3	27	30
Total	46	29	75

Classified + if predicted Pr(D) >= .5

True D defined as DDH != 0

Sensitivity	Pr(+ D)	93.48%
Specificity	Pr(- ~D)	93.10%
Positive predictive value	Pr(D +)	95.56%
Negative predictive value	Pr(~D -)	90.00%
False + rate for true ~D	Pr(+ ~D)	6.90%
False - rate for true D	Pr(- D)	6.52%
False + rate for classified +	Pr(~D +)	4.44%
False - rate for classified -	Pr(D -)	10.00%
Correctly classified		93.33%

```
. estat gof
```

```
Goodness-of-fit test after logistic model  
Variable: DDH
```

```
    Number of observations =    75  
Number of covariate patterns =    75  
    Pearson chi2(64) = 59.55  
        Prob > chi2 = 0.6343
```